TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC

SỐNG ĐẠO

HỒNG ÂN HUẤN GIÁO

SƯ PHẠM CĂN BẢN

HỒNG ÂN 98

CÙNG CÁC BẠN GIÁO LÝ VIÊN

Các Bạn thân mến,

Đáp lại lời mời gọi của giáo xứ, các Bạn đã Đức Kitô tham gia công cuộc huấn giáo với tất cả nhiệt tình hăng say phục vụ Chúa nơi những người trẻ. Quả thật, các Bạn đã đi đúng tuyến đường mà Công đồng Vaticanô II đã vạch ra : Ơn gọi Kitô giáo tự bản chất cũng là ơn gọi làm tông đồ (Sl. TĐGD số 2) mà việc dạy giáo lý là "một hình thức tuyệt vời của tông đồ giáo dân" (Th. DGL 66).

Tuy nhiên, khi bước vào sứ vụ giáo lý viên, các Bạn lại ngỡ ngàng : Dạy gì và dạy như thế nào ? Sau những năm dài sống giữa trần gian với bao thách đố và khó khăn, vốn liếng giáo lý xưa, nay hầu như đã quên hết (?!). Nếu còn thì xem ra cũng không mấy giống cuốn giáo lý mà giáo xứ vừa trao tay Bạn, nhất là khi nghe nói đây là giáo lý quy chiếu sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo mới công bố năm 1992 !

"Hồng ân Huấn giáo" - **Sư phạm Huấn giáo căn bản** - muốn chia sẻ với Bạn, tháo gỡ phần nào những khó khăn, những ngỡ ngàng ban đầu và củng cố cho Bạn một xác tín dấn thân phục vụ cho công cuộc Huấn giáo của Hội Thánh.

Ước mong Bạn đón nhận tập Hồng ân huấn giáo căn bản này như người bạn đồng hành trong sứ vụ làm Tông đồ cho Giới trẻ.

HỒNG ÂN

MỤC LỤC

Phần I : AI DẠY GIÁO LÝ
Bài 1 : Chúa Giêsu giảng dạy
Bài 2 : Sứ mệnh truyền giảng giáo lý
Bài 3 : Giáo lý viên giáo dân
Bài 4 : Những đức tính cần thiết của giáo lý viên
Phần II : NHỮNG NÉT CƠ BẢN CỦA SƯ PHẠM HUẤN GIÁO
Bài 1 : Môn giáo lý
Bài 2 : Nội dung giáo lý
Bài 3 : Chủ đích của giáo lý
Bài 4 : Đường hướng khoa huấn giáo
Bài 5 : Phương pháp dạy giáo lý
Bài 6 : Chương trình giáo lý hồng ân
Bài 7 : Diễn tiến của tiết giáo lý
Bài 8 : Các sinh hoạt hỗ trợ huấn giáo
Phần III : TÂM LÝ LỨA TUỔI
Bài 1 : Tâm lý tổng quát
Bài 2 : Đặc điểm tâm lý lứa tuổi 3 - 6
Bài 3 : Đặc điểm tâm lý lứa tuổi 7 - 12
Bài 4 : Đặc điểm tâm lý tuổi dậy thì

PHẦN I

AI DẠY GIÁO LÝ

Bài 1

CHÚA GIÊSU GIẢNG DẠY

"Làm sao kêu lên với Đấng mà người ta không tin ? Làm sao tin Đấng mà người ta không được nghe ? Làm sao mà nghe, nếu không có người rao giảng ? Làm sao mà rao giảng, nếu không được sai đi ? Vậy tin là do bởi đã được nghe, còn nghe là nhờ việc rao giảng lời Đức Kitô" (Rm 10, 14-15. 17).

1. Chúa Giêsu là Đấng đã được Chúa Cha sai đến để thông truyền kế hoạch cứu rỗi của Người. Chúa Giêsu đã giảng dạy. Trong suốt cuộc đời công khai, giảng dạy là một hoạt động chính yếu và thường xuyên của Người.

Người đã giảng dạy ở khắp nơi : ở hội đường, trong đền thờ, ở thành phố hay làng mạc, trên núi cao, nơi sông biển, trên đường đi hay tại tư gia... Người giảng dạy cho đám đông, cả thành quy tụ nghe Người, hoặc cho từng cá nhân nơi thanh vắng. Người giảng cho hàng trí thức cũng như người thất học, giới lãnh đạo cầm quyền cũng như thường dân, nam cũng như nữ, già cũng như trẻ, lương cũng như (Do Thái) giáo v.v...

2. Giảng dạy mọi nơi, mọi lúc, mọi ngày, cho mọi đối tượng, mọi thành phần xã hội, trong và ngoài dân Do Thái, Chúa Giêsu xứng đáng được gọi là THẦY dưới mắt một nhà xã hội học. Người đã chọn cùng một lúc hai chức nghiệp giáo viên và thầy thuốc. Biết bao lần, 12 tông đồ, các môn đệ và đám đông thính giả đã gọi người là Thầy với giọng vừa khâm phục, vừa tin tưởng và yêu mến. Cả đến kẻ thù, các biệt phái, luật sĩ và người Do Thái nói chung, không phủ nhận tước hiệu ấy nơi Chúa. Chính Người đã long trọng tuyên bố : "Anh em chỉ có một Thầy" (Mt 23, 8) ; "Anh em gọi Thầy là 'Thầy' là 'Chúa', điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa" (Ga 13, 13).

3. Xuất hiện như một vị thầy giữa các vị khác, nhưng Đức Giêsu lại khác họ về nhiều phương diện. Người ta kinh ngạc về giáo huấn của người vì "Người dạy dỗ họ như Đấng có uy quyền" (Mt 7, 29). Thực vậy, các luật sĩ phải nại đến lời Kinh Thánh Cựu ước, trong khi chính Chúa Giêsu không hủy bỏ Kinh Thánh Cựu ước, Người tự lấy quyền của mình mà giải thích. Thêm vào đó là tính cách mới mẻ của giáo huấn của Người. Người bày tỏ cho mọi người sứ điệp cứu rỗi đích thực của Thiên Chúa : "Thật, Tôi bảo thật các ông, ai nghe lời Tôi và tin vào Đấng đã sai Tôi, thì có sự sống đời đời... Giờ đã đến - và chính lúc này đây - giờ các kẻ chết nghe tiếng Con Thiên Chúa ; ai nghe thì sẽ được sống" (Ga 5, 24.25).

4. Đức Giêsu không chỉ giảng dạy bằng lời nói, mà là bằng cả cuộc sống. Nói cách khác, Người dạy và Người làm (Cv 1, 1). Người dạy dỗ điều Người làm và Người làm điều Người dạy dỗ. Không một hành vi nào của Người lại không là bài giảng phong phú cho người biết lắng nghe.

Nơi Chúa Giêsu, hết những ai được thông dự vào tác vụ giảng dạy, tìm gặp được mẫu gương của một giảng viên, nội dung để giảng dạy và cả đến phương pháp giảng dạy nữa. Càng làm quen với Chúa Giêsu, càng sống thân thiết với Người, càng học biết giáo huấn của Người, những người giảng dạy lại càng được thôi thúc phải đi giảng dạy và giảng dạy có hiệu quả bấy nhiêu.

Bài 2

SỨ MỆNH TRUYỀN GIẢNG GIÁO LÝ

Tông huấn "Dạy giáo lý trong thời đại chúng ta" của Đức Gioan-Phaolô II ban hành ngày 16.10.1979, đã là kim chỉ nam cho công cuộc dạy giáo lý của chúng ta. Dựa theo Tông huấn này và bản Hướng dẫn Giáo lý viên của Bộ Phúc Âm hóa các dân tộc, ban hành ngày 3.12.1993, chúng ta cùng nhau tìm hiểu sứ mệnh truyền giảng giáo lý.

Việc truyền giảng giáo lý luôn được Hội Thánh coi là một trong những nhiệm vụ tối quan trọng của mình, vì trước khi lên cùng Cha Người, Chúa Giêsu Phục Sinh đã ban cho các tông đồ một huấn lệnh sau cùng : Làm cho mọi dân tộc trở nên môn đệ và dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Người đã truyền (x.Mt 28, 19-20). Như vậy, Người trao cho các tông đồ sứ mệnh và quyền năng loan truyền cho nhân loại điều mà chính các ông đã được nghe, được thấy tận mắt, được ngắm, sờ bằng tay về Ngôi Lời ban sự sống (x. 1Ga 1, 1). Đồng thời Người ban cho các ông sứ mệnh và quyền năng giải thích một cách có thẩm quyền điều mà Người đã dạy các ông, lời nói và việc làm của Người. Và Người ban cho các ông Thần Khí để hoàn thành sứ mạng ấy.

Từ rất sớm người ta dùng từ ngữ "dạy giáo lý' để gọi toàn thể các nỗ lực trong Hội Thánh nhằm đào tạo các tín hữu để giúp nhân loại tin rằng Đức Kitô là Con Thiên Chúa, ngõ hầu nhờ đức tin, họ được sống nhân danh Người (x. Ga 20, 31) để giáo dục và dạy dỗ họ trong cuộc sống ấy và nhờ thế, xây dựng thân mình của Đức Kitô. Hội Thánh không ngừng dồn năng lực vào công việc ấy (DGL. 1).

Nơi số 14, Đức Gioan-Phaolô II còn khẳng định việc dạy giáo lý là quyền lợi và bổn phận của Hội Thánh như sau :

"Hiển nhiên là đối với Hội Thánh, việc dạy giáo lý bao giờ cũng là bổn phận thiêng liêng và một quyền lợi bất khả xâm phạm. Một mặt, đó hẳn là một bổn phận nảy sinh do mệnh lệnh của Chúa và đè nặng nhất là trên vai những kẻ, trong giao ước mới, nhận được ơn gọi vào thừa tác vụ chủ chăn. Mặt khác, cũng có thể nói, là một quyền lợi ; về phương diện thần học, mọi người đã được rửa tội, do chính phép Rửa tội, đều có quyền được Hội Thánh giảng dạy và huấn lệnh, nhờ đó họ có thể tiến tới đời sống Kitô đích thực. Trên bình diện nhân quyền, không ai bị ép buộc hành động trái lương tâm mình, cũng không ai bị cản trở trong việc hành động theo lương tâm mình" (Tuyên ngôn tự do tôn giáo số 2).

Nơi số 15, Tông huấn viết tiếp : "Trong thế kỷ XX sắp kết thúc này... Hội Thánh được Thiên Chúa kêu gọi canh tân niềm hy vọng của mình trong hoạt động "dạy giáo lý" được coi như một nhiệm vụ tối thượng của sứ mệnh mình. Hội Thánh được kêu mời dành cho việc dạy giáo lý những tài nguyên quý giá nhất của mình về nhân sự và năng lực, mà không quản ngại những cố gắng, những mệt nhọc và phương tiện vật chất, để tổ chức việc dạy giáo lý cho chu đáo hơn và đào tạo những nhân viên thành thạo (DGL. 15).

Việc dạy giáo lý vẫn là và sẽ còn là một công cuộc mà toàn thể Hội Thánh phải cảm thấy và muốn gánh chịu trách nhiệm. Các thành viên của Hội Thánh đều có những trách nhiệm riêng biệt phát sinh từ sứ mệnh của mỗi người (x. DGL 16) :

- Các vị Chủ chăn có trách nhiệm trên hết trong việc nâng cao, hướng dẫn và phối trí việc dạy giáo lý. Các giám mục là những người có trách nhiệm trước tiên về việc dạy giáo lý, là giáo lý viên đúng nghĩa nhất. Vai trò chính của giám mục là khơi dậy và gìn giữ trong giáo phận một sự say mê dạy giáo lý, sự say mê được thể hiện trong một số tổ chức thích hợp và hữu hiệu, vận dụng người, phương tiện, dụng cụ và các tài nguyên cần thiết. Xin

anh em tin chắc rằng nếu việc dạy giáo lý tiến hành đúng đắn trong Giáo Hội địa phương, thì mọi việc khác sẽ trôi chảy. Về phần mình, vị Giáo Hoàng ý thức sâu xa trách nhiệm tối cao của mình trong lĩnh vực này : Ngài tìm thấy trong đó lý do của sự ân cần mục vụ, nhưng nhất là nguồn vui mừng và hy vọng (x. DGL 16.63).

- Đối với **các Linh mục** : đây là một địa hạt đặc biệt cho việc tông đồ của họ : "Công đồng đã gọi các linh mục là "NGƯỜI GIÁO DỤC ĐỨC TIN" (Sl. LM 6) : Các ngài có thể nào làm người giáo dục đức tin hoàn hảo bằng phương pháp nào khác hơn là bằng cách dành phần tối hảo cho các nỗ lực để làm tăng trưởng cộng đoàn của các ngài trong đức tin không? Tất cả các chủ chăn đều có bổn phận lo liệu việc ấy. Tất cả những người có đức tin đều có quyền học giáo lý.... đừng để vì thiếu một sự nhiệt thành nào, do một thiên kiến bất lợi nào mà các tín hữu không được học giáo lý. Đừng để ai có thể nói : "Các trẻ nhỏ đòi bánh nhưng không ai chia cho chúng" (Aica 4, 4 ; x. DGL 16.64).

- Còn các **tu sĩ nam nữ** : "Qua dòng lịch sử, các tu sĩ nam nữ đã rất tận tụy trong hoạt động dạy giáo lý của Hội Thánh bằng cách thực hiện một công cuộc đặc biệt thích hợp và hữu hiệu... Trong lúc người ta muốn tăng cường dây liên kết giữa các tu sĩ và chủ chăn, và do đó, tăng cường sự hiện diện tích cực của các cộng đoàn tu sĩ và của các thành viên của các cộng đoàn ấy trong kế hoạch mục vụ của các Hội Thánh địa phương, Cha hết lòng khuyên các con, là những người nhờ sự thánh thiện trong dòng, càng sẵn sàng phục vụ Hội Thánh. Cha khuyên các con hãy dọn mình càng kỹ lưỡng càng tốt cho nhiệm vụ dạy giáo lý... đi đâu cũng đem theo mối bận tâm ấy. Chớ gì các Hội dòng dành tối đa khả năng và nghị lực vào công cuộc dạy giáo lý" (DGL 16.65).

- Với các **giáo lý viên giáo dân** : "Nhân danh toàn thể Hội Thánh, Cha cám ơn các con là những giáo lý viên của giáo xứ,

những giáo dân nam nữ khắp nơi trên thế giới đang tận tụy trong việc giáo dục đạo giáo cho nhiều thế hệ. Hoạt động của các con nhiều khi khiêm tốn và kín đáo, nhưng nhiệt thành hăng say và quảng đại, là một hình thức tuyệt vời của tông đồ giáo dân, đặc biệt quan trọng ở những nơi mà, vì nhiều lý do khác nhau, các trẻ nhỏ và thanh niên không được huấn lệnh đạo giáo một cách xứng hợp trong gia đình chúng. Đại hội IV của Thượng Hội đồng Giám mục đã không quên các con. Cùng với Đại hội, Cha khuyến khích các con luôn tiếp tục công tác vào đời sống của Hội Thánh" (DGL 66).

- Ở cấp bậc khác, các phụ huynh có trách nhiệm riêng biệt : Hoạt động dạy giáo lý của gia đình có tính cách đặc biệt và có thể nó, không thể thay thế được, đã được Hội Thánh nhấn mạnh một cách chí lý, đặc biệt do Công đồng Vaticanô II... Gia đình là trường học đầu tiên và cha mẹ là thầy cô thứ nhất của trẻ nhỏ. Việc dạy giáo lý trong gia đình đi trước, kèm theo và làm phong phú mọi hình thức khác của việc dạy giáo lý (x. DGL 16.68).

Tất cả mọi người, ở các trình độ khác nhau, đều có trách nhiệm rất rõ trong việc giáo dục lương tâm tín hữu. Việc giáo dục này rất quan trọng cho đời sống Hội Thánh (x. DGL 15. 16. 63-68).

Bài 3

GIÁO LÝ VIÊN GIÁO DÂN

"Những người phải tản mác này đi khắp nơi loan báo Lời Chúa" (cv 8, 4).

1. Đặc tính trần thế là nét chuyên biệt của ơn gọi giáo dân (x. Hc. HT 31). Chứng tá đời sống Kitô hữu và những việc lành được làm với tinh thần siêu nhiên giữa cuộc sống trần gian quả là bài giảng giáo lý đầy sức thuyết phục. Tuy nhiên, việc tông đồ không chỉ dừng lại ở chỗ làm chứng (là điều đương nhiên phải có đã), người giáo dân tông đồ đích thực còn tìm dịp loan truyền bằng lời nói cho người chưa tin, hay cho các tín hữu để giáo huấn, củng cố, thúc đẩy họ sống sốt sắng hơn. Lời Thánh Tông đồ luôn âm vang nơi cõi lòng người tín hữu chân chính : "Khốn thân tôi, nếu tôi không rao giảng Tin Mừng" (1 Cr 9, 16).

2. Ngay từ những buổi đầu của Hội Thánh, đã thấy xuất hiện nhiều người dạy dỗ khác, tức các giáo lý viên. Dưới sự hướng dẫn, dạy dỗ của các tông đồ, các giáo lý viên giáo dân ấy giúp vào việc huấn giáo cho những cộng đoàn mới được thành lập (x. Cv 15, 40 ; 16, 1-3).

Và qua hàng bao thế kỷ, nhiều Kitô hữu đã trung thành với ơn gọi tông đồ giáo dân của mình. Hoạt động của họ tuy nhiều khi khiêm tốn và kín đáo nhưng nhiệt thành và quảng đại, góp phần không nhỏ cho việc giáo dục đạo giáo nhiều thế hệ. Trước tiên, đó là chính các Kitô hữu làm cha làm mẹ. Họ là giáo lý viên đầu tiên và không thể thiếu được cho con em mình. Việc dạy Giáo lý trong gia đình đi trước, kèm theo và phong phú hóa các hình thức huấn giáo khác. Tiếp đó, phải kể đến các giáo dân được mời gọi cộng tác với các chủ chăn trong sứ vụ cao cả này, mà Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II tuyên dương là một "hình thức tuyệt vời của tông đồ giáo dân" (DGL 66).

3. Điều này không có gì lạ, bởi vì ơn gọi Kitô hữu tự bản chất là ơn gọi làm tông đồ truyền giáo (x. TĐGD 2). Việc xây dựng Hội Thánh không phải chỉ là việc của hàng giáo phẩm, của các linh mục, tu sĩ... nhưng chính là của toàn thể Hội Thánh, của mỗi người đã chịu phép Thánh tẩy. Công đồng Vaticanô II đã làm sáng tỏ vai trò và phẩm giá của người giáo dân. Họ không là những người thừa hành, người giúp việc cho các linh mục, việc dạy giáo lý không phải vì thiếu linh mục, thiếu tu sĩ (nhất là ngày nay) mà giáo dân được mời gọi cộng tác vào. Trách nhiệm huấn giáo là thuộc về toàn thể Hội Thánh và thuộc về từng thành viên của Hội Thánh (x. TĐGD 3 và HĐTG 36).

4. Quả vậy, được tháp nhập vào Hội Thánh qua Bí tích Thánh tẩy, người Kitô hữu trở nên chi thể sống động của nhiệm thể Chúa Kitô. Một chi thể sống không thể là một chi thể bất động, nhưng là một chi thể biết nhận và biết cho. Họ được trở nên anh em của Chúa Giêsu, thông phần vào sứ vụ tư tế, ngôn sứ và vương giả của Người. Họ có bổn phận thực thi chức năng ngôn sứ của mình - lẽ dĩ nhiên, dưới sự lãnh đạo của các chủ chăn.

Phải chăng, tiếng của Chúa đang mời gọi các giáo lý viên chúng ta qua giáo huấn của Hội Thánh về nhiệm vụ làm tông đồ, cách riêng nhiệm vụ cộng tác vào việc giáo dục đạo giáo cho môi trường, hoàn cảnh, giới trẻ... qua quan niệm về Hội Thánh như là một sự HIỆP THÔNG trong ĐỨC ÁI và SỨ VỤ (trước khi là một TỔ CHỨC CƠ CẤU)? Phải chăng, đây là dấu hiệu của sự TRƯỞNG THÀNH của Hội Thánh, trong đó không có chỗ cho những thành viên thờ ơ trước tiếng Chúa gọi, không có chỗ cho việc ăn không ngồi rồi nơi vườn nho của Chúa, trong đó, có biết bao công việc đang chờ đợi tất cả mọi thành viên của Hội Thánh và ngày ngày, tiếng Chúa đang lặp lại cách khẩn thiết hơn : "Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho" (Mt 20, 4).

Bài 4
NHỮNG ĐỨC TÍNH CẦN THIẾT CỦA GIÁO LÝ VIÊN

"Tôi sống, nhưng không phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi" (Gl 2, 20).

Công việc huấn giáo được ủy thác cho giáo lý viên có nguồn gốc và chủ đích vừa tự nhiên vừa siêu nhiên, nên nó đòi hỏi giáo lý viên nhiều đức tính nhân bản và siêu nhiên.

I. ĐỨC TÍNH NHÂN BẢN.

Là người của Chúa, giáo lý viên trước tiên phải là người của mọi người, là anh chị em giữa các anh chị em học viên.

Trau dồi các đức tính nhân bản, vì thế, là yếu tố cần thiết giúp giáo lý viên nên dụng cụ tốt và đạt kết quả cao :

1. Hiền lành.

Giáo lý viên là người rao giảng lời Chúa, loan truyền sứ điệp của Chúa, nên cần phải mặc lấy sự hiền lành và khiêm hạ của Chúa Kitô (x. Mt 14, 29). Đây là một đức tính có sức thuyết phục cao. Kẻ hiền lành thì biết :

- Nhẫn nại và hy vọng : nóng nảy và cau có dễ làm trẻ khiếp đảm, đóng cửa lòng và như thế chúng sẽ không thích học. Bấy giờ, giáo lý viên dạy ai ?

- Cảm thông : Chúa Giêsu hiền lành và biết cảm thông với Phêrô nóng nảy, với Giakêu và Mađalêna tội lỗi. Giáo lý viên cần biết thông cảm với học viên dại khờ, dốt, yếu kém... chúng cần những người cha, người mẹ, người anh, người chị dịu hiền và mau tha thứ ?

- Dễ tha thứ : Giáo lý viên hiền lành dễ thấy cái hay cái đẹp cũng như cái dở cái xấu nơi trẻ, nhờ thế biết tha thứ, cảm thông trước những dại khờ, sai sót của trẻ. Chính nhờ biết dễ tha

thứ mà giáo lý viên có thể cứu sống và vớt lên những ai đang bị chết đuối.

2. Quảng đại phục vụ và hy sinh.

Đã là "thợ", là "dụng cụ" thì phải làm việc. Chúng ta phải biết cho đi và cho mãi : cho thời giờ, cho sức khoẻ, cho khả năng...

Có quảng đại, giáo lý viên không ngần ngại hy sinh, bỏ mình, vác thập giá của đời giáo lý viên. Quả thật, học tập, soạn bài, giảng bài, chữa bài, giúp các em sống đức tin... đòi hỏi nhiều công sức, phải đầu tư hết chất xám của mình. Thánh Gioan Bosco nói : "Nếu vì lợi ích của các linh hồn, tôi sẵn sàng hy sinh đến liều lĩnh".

3. Lịch sự.

Người có đức tính nhân bản là người biết lịch sự : đón nhận trẻ như quà Chúa trao gửi, coi trẻ như những nhân vị cần được phát triển, nhìn chúng như "hình ảnh" tuyệt vời của Thiên Chúa, giáo lý viên phải biết "kính trọng" chúng và biết đối xử tế nhị.

Học viên của chúng ta dù ở lứa tuổi nào, dù thuộc thành phần giai cấp nào trong xã hội, đều phải được các giáo lý viên kính trọng đúng mức và đối xử cách tế nhị niềm nở.

Vì thế, từ cách nói năng, đến tác phong, giáo lý viên phải đàng hoàng, lịch thiệp : ăn nói bừa bãi với trẻ, ăn mặc **lượm thượm,** dơ bẩn... chứng tỏ chúng ta coi thường trẻ, bất kính đối với chúng. Trái lại, trẻ em dễ bị thu hút và ham thích nghe, học với người xứng danh hiệu thầy, cô, anh, chị của chúng.

4. Vui vẻ.

Đối với các học viên, nhất là đối với các trẻ nhỏ, giáo lý viên luôn phải tỏ lộ một niềm vui tươi (giảng tin vui, tin mừng chứ không phải giảng tin buồn !).

Sự vui vẻ, vui tính sẽ làm cho lớp học chan chứa ánh sáng, bầu khí trong lành, tươi mát, khí thế hưng phấn, ham học... Ai cũng

thế, nhất là trẻ em, đều thích thầy cô hiền và vui. Trước khi đến với các em, giáo lý viên phải gạt bỏ mọi ưu tư, buồn tủi riêng tư. Gương mặt và thái độ biểu lộ một niềm vui chân thành và thanh thoát.

II. ĐỨC TÍNH SIÊU NHIÊN.

Giáo lý viên là "thợ được sai", là "dụng cụ" được dùng, nên tất cả mọi thành quả và hy vọng đều đặt trọn trong tay Chúa, dưới tác động của Chúa Thánh Thần.

Giáo lý viên vì thế cần cắm rễ sâu trong Thiên Chúa và không ngừng vươn lên trong ân sủng.

- Đức tin sống động.
- Đức cậy vững vàng.
- Đức mến nồng nàn.

1. Giáo lý viên phải có một ĐỨC TIN sống động. Thực vậy, chỉ có ai kinh nghiệm bản thân về Thiên Chúa, mới có thể đưa anh em mình đến với Thiên Chúa. Một kiến thức chuyên môn của viên kỹ sư không nhất thiết phải ăn khớp với hạnh kiểm của ông. Nhưng trái lại, một giáo lý viên không thể truyền đạt giáo lý, nếu không sống chính điều mình truyền dạy, bởi vì giáo lý không phải là một kiến thức suông mà là một SỨC SỐNG. Lời Chúa mà giáo lý viên truyền dạy không phải là văn tự chết trong sách, nhưng được thấm nhập vào cuộc đời của người giảng, và nhờ ơn thánh, trở nên sống động để đến với người nghe. Trước khi là thầy dạy, giáo lý viên phải là chứng nhân đã. Vì thế, giáo lý viên luôn cầu xin Chúa gia tăng đức tin cho mình qua việc cầu nguyện, đọc và suy niệm Lời Chúa, năng lãnh nhận các bí tích, nhất là Bí tích Thánh Thể và nỗ lực sống điều mình tuyên xưng.

2. Giáo lý viên là tác nhân dụng cụ của Thiên Chúa để Lời Chúa đến với học viên. Vì thế, giáo lý viên không dựa vào sức mình mà hết lòng CẬY TRÔNG vào ơn thánh Chúa trong việc

giảng dạy. Chắc chắn rằng việc giảng dạy giáo lý đôi lúc dễ khô khan, học viên khó tiếp thu, tỏ ra bướng bỉnh, cũng như có những trở ngại trên con đường phục vụ. Nhưng trông cậy vào Đấng sẽ hoàn tất những điều Người đã khởi sự, giáo lý viên sử dụng tất cả những năng lực hèn kém của mình, họ tin chắc Lời Chúa sẽ không trở lại mà không sinh hoa kết quả. Do đó, giáo lý viên có được niềm vui chân chính. Đức cậy tỏa chiếu niềm vui này là một chứng từ và sức cuốn hút mạnh mẽ các học viên giáo lý. Giáo lý viên củng cố đức trông cậy ngày thêm vững mạnh nhờ chuyên cần đọc, suy niệm Lời Chúa, lắng nghe và hành động theo sức tác động của Chúa Thánh Thần, rèn luyện ý chí nhờ việc chiêm ngắm và noi gương Tổ phụ Abraham, Đức Trinh Nữ Maria và các thánh.

3. Khi đáp lại lời mời gọi của chủ chăn góp phần vào việc huấn giáo, chắc chắn các giáo lý viên đã có một LÒNG MẾN. Tin Mừng tình yêu mà giáo lý viên được ủy thác dạy dỗ sẽ nên cụ thể khi giáo lý viên trau dồi và thể hiện lòng mến. Mà lòng mến thì hiền hậu, kiên nhẫn, hết lòng bao dung, hết lòng tin cậy, chịu đựng mọi sự (x. 1 Cr 13, 4-7). Giáo dục là công việc sẽ phải gia tăng lòng mến đến thế nào ! Chính lòng mến ấy sẽ thôi thúc giáo lý viên tìm cách học hỏi thêm, tìm các phương tiện có được trong tay để làm cho công việc huấn giáo được hữu hiệu (x. 2 Cr 5, 14). Giáo lý viên tăng cường lòng mến nhờ việc chìm sâu trong cầu nguyện với Lời Chúa để Chúa Thánh Thần đốt lên ngọn lửa tình mến trong tâm hồn. Nhờ đó, giáo lý viên luôn được thôi thúc bởi lòng trắc ẩn của Chúa Kitô : “Ta chạnh lòng thương đám đông này” (Mt 15, 32) để dấn thân không mệt mỏi cho công cuộc huấn giáo : “Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng” (1 Cr 9, 16).

III. HÀNH TRANG CỦA GIÁO LÝ VIÊN.

Với sứ mệnh cao cả và khó khăn, giáo lý viên chỉ có thể thực hiện công việc huấn giáo khi có sẵn một số hành trang cần thiết. Đó là :

1. Tinh thần hăng say truyền giáo.

Tức là khát vọng loan báo Tin Mừng, thiết tha muốn cứu các linh hồn để mở rộng Nước Chúa. Vì thế, phải sẵn sàng sống tận hiến cho Chúa để dấn thân phục vụ cách quảng đại, không ích kỷ cầu lợi, không sợ khó sợ khổ.

2. Am hiểu giáo lý.

Không ai có thể cho cái mình không có. Muốn truyền giảng Lời Chúa, cần phải am hiểu Lời Chúa và tích cực sống Lời Chúa mỗi ngày. Điều đó đòi hỏi ta vừa dạy, vừa học và tiếp tục học suốt đời.

3. Biết trình bày giáo lý.

Phải biết trình bày giáo lý thế nào để cho người nghe ham thích và muốn gặp gỡ Chúa, yêu mến Chúa. Điều này đòi hỏi giáo lý viên phải biết những phương pháp truyền đạt phù hợp với tâm lý và trình độ lĩnh hội của người học, tức là sư phạm giáo lý.

4. Sống gương mẫu.

"Lời nói lung lay, gương bày lôi kéo". Giáo lý viên không chỉ rao giảng bằng lời nói nhưng cần phải rao giảng bằng chính cuộc sống làm chứng của mình. Chính giáo lý viên phải dám để cho Lời Chúa phê phán và biến đổi đời sống mình. Nói một đàng làm một nẻo là giả hình.

5. Ý thức sứ mạng của mình.

Giáo lý viên cần biết rõ tầm quan trọng của việc dạy giáo lý và cách thực hiện

- Sứ mạng giáo lý viên là sứ mạng chính thức được Chúa Giêsu trao cho qua Hội Thánh, cụ thể là qua cha xứ.

- Sứ mạng giáo lý viên cao cả vì là việc của chính Chúa Giêsu đã lãnh nhận nơi Chúa Cha và đã làm để cứu chuộc nhân loại. Dạy giáo lý là tham dự vào sứ mạng của Chúa Giêsu : loan báo Tin Mừng cứu rỗi cho mọi người.

- Sứ mạng giáo lý viên là sứ mạng siêu nhiên. Trong sinh hoạt, giáo lý viên không tìm vinh dự, tiếng khen, an ủi và nâng đỡ vật chất : có hay không cũng cứ làm.

+ Vì việc dạy giáo lý là việc của Chúa. Chính Chúa là phần thưởng của giáo lý viên.

+ Vì nguồn gốc sứ mạng là do Chúa Giêsu trao cho : "Như Cha Ta đã sai Ta thì Ta cũng sai các con" (Ga 20, 21).

+ Vì mục đích việc dạy giáo lý là loan báo Tin Mừng cho mọi người lãnh ơn cứu chuộc, để họ được sống hạnh phúc vĩnh cửu với Chúa ngay ở đời này và đời sau. Hội Thánh sinh ra và nuôi dưỡng các tín hữu. Giáo lý viên là thành phần của Hội Thánh, giúp Hội Thánh sinh ra và nuôi dưỡng đời sống đức tin của con cái mình.

PHẦN II

NHỮNG NÉT CƠ BẢN CỦA SƯ PHẠM HUẤN GIÁO

Bài 1
MÔN GIÁO LÝ

Thế giới đang biến chuyển, tâm thức con người cũng thay đổi. Đó là nhận xét của Công đồng Vaticanô II (MV 4tt). Như thế có nghĩa là : môi trường đón nhận Tin Mừng thay đổi thì phương pháp rao giảng Lời Chúa cũng phải đổi mới. Việc đổi mới này rất cần thiết, nhưng phải hướng theo mục đích của giáo lý để thích ứng với tâm trí và hoàn cảnh sống của con người.

Nhận định như thế, chúng ta cần tìm hiểu môn giáo lý để đi đến việc cập nhật hóa môn này.

I. DANH TỪ

Môn giáo lý hay huấn giáo là một phần của khoa Thần học Mục vụ. Bởi vì môn giáo lý bàn về việc rao giảng Lời Thiên Chúa, chính là một trong những yếu tố căn bản của sứ mạng Hội Thánh, của sinh hoạt mục vụ của Hội Thánh.

Theo Kinh Thánh và Giáo phụ, chúng ta thấy có nhiều danh từ để chỉ việc rao giảng, truyền bá Lời Thiên Chúa.

1. Danh từ TRUYỀN GIẢNG (Kêryme).

Do tiếng Hy Lạp (Kêryx) có nghĩa là người công bố tin chính thức được dùng để chỉ việc công bố Tin Mừng cho người bên lương chưa có đức tin.

Mục đích của việc công bố này không phải để giáo huấn nhưng để giác ngộ, mở một viễn tượng mới cho thính giả, cũng như một người nhận được một tin vui, một tin may lành liền đi loan báo cho anh em mình biết. Nó có tính cách hân hoan, phấn khởi, quyết liệt. Đó là ý nghĩa của danh từ EVANGELIUM : Tin mừng, Tin lành, Phúc âm.

Các tông đồ sau khi lãnh nhận ơn Chúa Thánh Thần, đã phấn khởi bước ra công bố Phúc âm theo hình thức này. Thí dụ :

Bài giảng của Phêrô ngày lễ Ngũ Tuần (x. Cv 2, 14). Nội dung thiết yếu là loan báo Chúa Kitô phục sinh và chính Người là Thiên Chúa.

2. Danh từ HUẤN GIÁO (Didaché hay Catéchèse).

Chỉ việc trình bày giáo lý đại cương về Đức Kitô mà họ mới khám phá ra trong hình thức truyền giảng, nhằm huấn lệnh đạo cách toàn diện. Hồi Hội Thánh sơ khai, việc giáo huấn này được thi hành trước và sau khi lãnh nhận Bí tích Rửa tội. Tỷ dụ : những bài giáo huấn của thánh Cyrille thành Giêrusalem.

3. Chúng ta nhắc đến danh từ DIDASCALIA (Thần học).

Danh từ này chỉ việc dạy giáo lý ở mức độ cao đẳng, trong đó người ta vừa sử dụng những lý luận tế nhị, vừa dùng Kinh Thánh. Tỉ dụ : Những bài diễn giảng Phúc âm của Origène hoặc thánh Bernard (x. Foi ân sủng Christ, Rétif, Cerf, p. 21-26).

Trong thực hành, nhiều khi cả 3 giai đoạn nói trên đây đều pha trộn lẫn nhau.

4. Danh từ DẠY BỔN (Catéchisme).

Cũng là một hình thức rao giảng Lời Thiên Chúa, nhưng dành riêng cho trẻ em, nhằm dạy những chân lý căn bản của đạo mà thôi, lại thường có hình thức học đường, nhiều khi chú trọng nhồi sọ những kiến thức trừu tượng, ít liên quan đến đời sống. Trái lại, huấn giáo gợi lên một lối giáo huấn linh động thực tế hơn, nhằm toàn diện con người : trí năng, ý chí, tình cảm, hành động.

Bởi vậy, có nhiều người đối lập 2 danh từ đó với nhau. Cha Coudreau viết : "Dạy bổn là giáo dục tôn giáo theo khung cảnh học đường - Huấn giáo là làm linh động đời sống đối thần" (x. Pour un catéchisme spirituel, p. 23). Tuy nhiên, ai cũng biết rằng, hướng đi của việc dạy bổn hiện nay chính là sửa đổi tính cách giáo khoa khô khan trừu tượng của nó, và làm cho nó trở nên linh động,

sát đời sống thực tế hơn. Như thế, dạy bổn cũng thành huấn giáo rồi.

II. ĐỊNH NGHĨA.

Giáo lý (huấn giáo) là trình bày Lời Thiên Chúa một cách đơn giản, cụ thể, sống động, để giúp tín hữu tìm hiểu và sống đức tin.

Xét về nội dung, thần học và giáo lý là một - nhưng xét về phương pháp, thần học và giáo lý khác nhau :

1. Thần học.

Trình bày chân lý đức tin theo hệ thống, dùng từ ngữ trừu tượng, thiên về ý niệm và áp dụng phương pháp diễn dịch.

2. Giáo lý.

Trình bày Tin Mừng theo nhu cầu và khả năng, tâm lý của người nghe, dùng hình ảnh và ngôn ngữ cụ thể, hướng về đời sống và theo phương pháp quy nạp.

Do đó, giáo lý phải theo đường lối riêng, không thể là thứ thần học giản lược, thâu gọn, cô đọng.

III. NGUỒN SUỐI CỦA GIÁO LÝ.

Giáo lý trình bày Lời Thiên Chúa. Lời Thiên Chúa được chứa đựng trong 4 nguồn suối đức tin là :

- Thánh Kinh : Cựu ước (46 cuốn) và Tân ước (27 cuốn).

- Thánh truyền : Một phần mặc khải còn được lưu lại dưới hình thức truyền khẩu và trong giáo huấn của các giáo phụ.

- Phụng vụ : Những gì Hội Thánh sống trong sinh hoạt phụng tự của mình cũng thuộc về lĩnh vực đức tin.

- Đời sống của Hội Thánh : Giáo Hội của các Đức Giáo Hoàng, của công đồng, của giám mục đoàn, lòng tin của toàn thể dân Chúa cũng là một phần trong kho tàng đức tin của Hội Thánh.

Đó là những kho tàng chứa đựng Lời Chúa và là "nguồn suối của đức tin". Giáo lý tổng hợp, tóm lược và trình bày nội dung đó, được diễn tả như hình dưới đây :

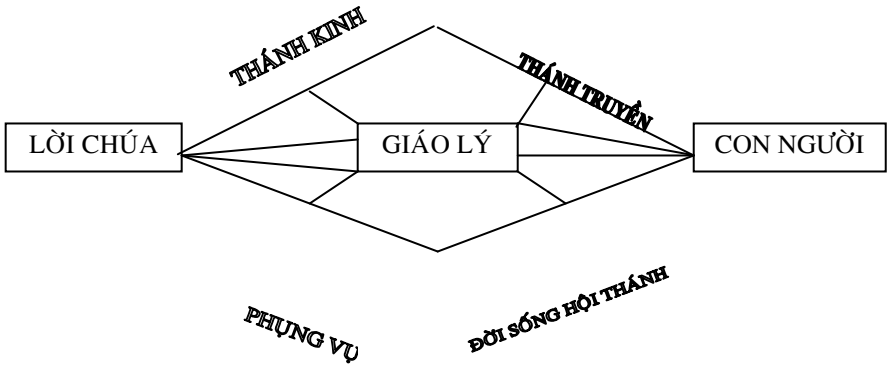

Như vậy :

- Giáo lý là trung gian giữa Lời Chúa và người nghe. Đây là trung gian hai chiều : giáo lý đem Lời Chúa đến cho người nghe, rồi qua giáo lý, người nghe lại tìm đến Lời Chúa bằng đức tin.

- Giáo lý có tính cách tương đối : giáo lý chỉ là một cách để trình bày Lời Chúa, chứ không phải là chính Lời Chúa.

Do đó :

- Giáo lý không thể thay thế Lời Chúa, mà phải bắt nguồn từ Lời Chúa. Nếu tách khỏi Lời Chúa thì giáo lý sẽ khô cạn.

- Giáo lý sánh với Lời Chúa chỉ có giá trị tương đối. Lời Chúa có tính chất tuyệt đối. Cho nên có thể thay đổi cải tiến giáo lý. Thay đổi giáo lý không phải là thay đổi Lời Chúa, nhưng chỉ là thay đổi cách trình bày để Lời Chúa được diễn đạt đúng hơn, rõ hơn, sống động hơn và hợp thời hơn. Vì thế, giáo lý cần được canh tân không ngừng.

Bài 2
NỘI DUNG GIÁO LÝ

Nội dung giáo lý là tất cả mầu nhiệm Kitô giáo. Cụ thể nhất là mầu nhiệm cứu rỗi, vì là điểm gặp gỡ giữa ý định của Thiên Chúa, và việc thực hiện nơi con người. Vấn đề quan trọng là PHẢI TRÌNH BÀY NỘI DUNG GIÁO LÝ NHƯ THẾ NÀO.

I. NHỮNG Ý LỰC (NÉT CHÍNH) CỦA NỘI DUNG GIÁO LÝ.

Ta phải trình bày toàn thể mầu nhiệm Kitô giáo, nhưng phải trình bày theo một cấu trúc và dựa trên một số ý lực nào đó. Những ý lực này giúp nhìn thấy các yếu tố của mầu nhiệm Kitô giáo, kết cấu với nhau cách nhịp nhàng và liên tục. Sau đây là một số ý lực căn bản.

1. Ý định cứu rỗi của Thiên Chúa Ba Ngôi.

Thiên Chúa muốn mở rộng đời sống Ba Ngôi cho con người thông hiệp với đời sống của Người.

Mầu nhiệm Ba Ngôi là mầu nhiệm thông hiệp :

- Cả Ba Ngôi : Cha, Con và Thánh Thần thông hiệp với nhau trong một tình thương và một nguồn sống (tương đương với *bản tính* của thần học).

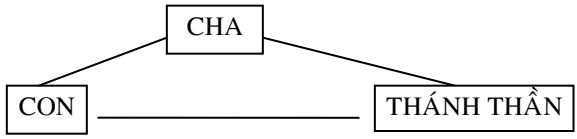

Một bản tính : một tình thương và một nguồn sống.

Vì có sự trao đổi tình thương nên cần có Ba Ngôi.

- Thiên Chúa thông hiệp với con người bằng cách sai Con Một Người xuống trần gian để làm cho con người trở nên con Thiên Chúa.

2. Lịch sử ơn cứu rỗi.

- Con người sa ngã và được phục hồi.

- Những giai đoạn chính của lịch sử cứu rỗi.

- Những giai đoạn này liên tục và tạo nên một lịch sử cứu rỗi : chuẩn bị trong Cựu ước, thực hiện nơi Chúa Giêsu, nối dài qua Hội Thánh, hoàn tất trên Nước Trời.

3. Chúa Kitô là trung tâm của lịch sử cứu rỗi.

- Con người Chúa Kitô là Emmanuel : Thiên Chúa nhập thể.

- Giáo Hội Chúa Kitô : Thiên Chúa là ai ? Người muốn gì ? Con người là ai ? Phải làm gì ?

- Công cuộc Chúa Kitô : Thực hiện lời hứa của Thiên Chúa trong quá khứ và tiếp tục trong lịch sử.

Pascal : "Chúa Kitô là trung tâm điểm của giao ước, Cựu ước nhìn Chúa Kitô như là sự hoàn tất. Tân ước nhìn Chúa Kitô như là khởi điểm. Cả hai giao ước nhìn Chúa Kitô như trung tâm điểm của mình".

4. Mầu nhiệm Phục sinh.

Là trung tâm của trung tâm, là nền tảng của lòng tin Kitô giáo và là nguồn sống mới của Kitô hữu :

- Mầu nhiệm Phục sinh : Trung tâm cuộc đời Chúa Kitô.

- Mầu nhiệm Phục sinh : Nền tảng của lòng tin.

- Mầu nhiệm Phục sinh : nguồn sống mới của Kitô hữu.

5. Chúa Kitô tiếp tục hoạt động qua Thánh Thần và trong Hội Thánh.

Thánh Thần và Hội Thánh là hai cách hoạt động của Chúa Kitô.

6. Nhiệm tích phân phát đời sống mới của Chúa Kitô.

- Bí tích (hay nhiệm tích) là phương thế Chúa Kitô Phục sinh phân phát sự sống mới (tức ân sủng) cho chúng ta ngày nay :

+ Bí tích Thánh tẩy : Chúa Kitô Phục sinh ban đời sống mới cho ta lần đầu tiên trong đời.

+ Bí tích Thêm sức : Chúa Kitô Phục sinh gia tăng đời sống mới nơi người tín hữu.

+ Bí tích Giải tội : Chúa Kitô Phục sinh khôi phục đời sống mới.

Mỗi bí tích là một nguồn mạch bắt nguồn từ Chúa Kitô để chuyển thông ơn thánh cho chúng ta. Vì có 7 bí tích nên ơn thánh được chảy tới chúng ta qua 7 đường khác nhau.

7. Con người đáp ứng đời sống mới.

Bằng cách thực hiện các nhân đức và phúc thật của Chúa Kitô. Tám mối phúc thật là bản tóm tắt toàn bộ giáo lý của Chúa Kitô và đức bác ái là tóm lược của tám mối phúc.

8. Chúa Kitô trở lại để hoàn tất lịch sử cứu rỗi.

Thế giới này sẽ biến hình để trở thành "Trời mới Đất mới". Thánh Augustinô cho biết về hạnh phúc trên trời ấy như sau : "Trên Trời, người tín hữu chỉ làm hai việc là : Alleluia và Amen mà không bao giờ chán".

II. QUY LUẬT TRÌNH BÀY NỘI DUNG GIÁO LÝ.

1. Tính duy nhất và liên tục.

Nội dung giáo lý phải cho thấy toàn bộ chương trình cứu rỗi và những giai đoạn thực hiện của lịch sử cứu rỗi. Tất cả phải hòa hợp và ăn khớp với nhau. Chẳng hạn, khi nói về bí tích hoặc về Hội Thánh... là phải nói đến vai trò của bí tích hay Hội Thánh trong lịch sử cứu rỗi.

2. Tính thời sự của lịch sử cứu rỗi.

Nội dung giáo lý phải làm thế nào để người ta thấy được lịch sử cứu rỗi đang diễn ra trong hiện tại, và chúng ta là những người đang sống trong lịch sử cứu rỗi.

I. NHỮNG PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY NỘI DUNG GIÁO LÝ.

1. Trình bày theo diễn tiến lịch sử cứu rỗi.

Thiên Chúa muốn cứu rỗi con người - Ngài chuẩn bị ơn cứu rỗi - Thiên Chúa thực hiện ơn cứu rỗi nơi Chúa Kitô - Thiên Chúa tiếp tục chương trình cứu rỗi qua Hội Thánh.

2. Trình bày theo diễn tiến của năm Phụng vụ.

- Mùa Vọng : mong chờ Chúa cứu thế.
- Mùa Giáng sinh : Đấng Cứu Thế đến.
- Mùa Chay : chuẩn bị.
- Mùa Phục sinh : thực hiện.

3. Phối hợp lịch sử cứu rỗi và phụng niên.

4. Theo hệ thống như Thần học.

Hệ thống hóa mầu nhiệm Kitô giáo. Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo ban hành năm 1992 và cuốn Giáo lý Công giáo Việt Nam 1996 trình bày theo phương thức này :

Phần I : Tuyên xưng đức tin.

Phần II : Cử hành mầu nhiệm đức tin (các bí tích).

Phần III : Đời sống trong Chúa Kitô.

Phần IV : Kinh nguyện Kitô giáo.

Nhận xét về các phương thức trình bày trên :

- Giáo lý theo phụng niên và giáo lý phối hợp giữa lịch sử với phụng niên : hợp cho trẻ em.

- Giáo lý theo diễn tiến lịch sử : hợp với tuổi thiếu niên.

- Giáo lý theo hệ thống thần học : hợp cho người lớn.

Bài 3
CHỦ ĐÍCH CỦA GIÁO LÝ

A. XÁC ĐỊNH CHỦ ĐÍCH.

Giáo lý nhằm mục đích giáo dục con người toàn diện và giáo dục đức tin cho người tín hữu.

1. Giáo dục con người toàn diện.

Việc dạy giáo lý phải nhằm hết mọi cơ năng của con người như : ý chí, tâm tình, trí tuệ, hoạt động... Con người toàn diện cũng có nghĩa là con người cụ thể và quân bình. Bởi vì con người không sống đạo chỉ ở một vài khía cạnh nhưng toàn diện con người cụ thể sống đạo. Do đó, giáo lý phải có chủ đích huấn lệnh toàn diện con người.

2. Giáo dục đức tin.

Có một sự khác biệt về quan niệm đức tin giữa Tin lành và Công giáo trong thời gian trước đây : Anh em Tin lành nhìn đức tin là một hoạt động của tình cảm con người. Còn Công đồng Triđentinô lại nhấn mạnh đức tin ở khía cạh trí tuệ chấp nhận chân lý. Cũng vì chú trọng trí tuệ nên giáo lý Công giáo tuy rõ ràng mạch lạc nhưng lại khô khan trừu tượng và xa rời đời sống cụ thể của con người.

Thực ra, đức tin không những là một nhận thức chân lý, mà còn bao gồm sự dấn thân cụ thể để sống chân lý ấy (St. Thomas). Căn bản của đức tin là tín nhiệm nơi Thiên Chúa và chấp nhận tất cả những lời Chúa nói là chân lý.

Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II, trong Tông huấn Dạy giáo lý, đã xác định những mục đích của khoa giáo lý như sau :

a. Mục đích tiên khởi của việc dạy giáo lý là giúp cho con người tin Đức Giêsu Kitô là Con Thiên Chúa, để nhờ tin mà họ được sống nhân danh Người (x. DGL 1).

b. **Mục đích đặc biệt lâu dài** của việc dạy giáo lý là làm phát triển đức tin còn thơ ấu thăng tiến tới trình độ trưởng thành, viên mãn (x. DGL 20).

c. **Mục đích thiết thực** của việc dạy giáo lý chính là nhằm nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu thuộc mọi lứa tuổi được hấp thụ và thấm nhuần giáo lý của Chúa, được biến đổi thành thụ tạo mới do tác động của ơn thánh Chúa (x. DGL 20).

Nhiệm vụ của giáo lý là làm sao cho **học viên gắn bó, tín nhiệm vào Chúa Kitô và chấp nhận tất cả những chân lý Người dạy.** Giáo lý viên phải làm sao cho đức tin nơi các học viên của mình sống động và mỗi ngày lớn lên dần dần, song song với sự phát triển của thể xác, cho tới khi trưởng thành trong Chúa Kitô.

B. BA MỨC ĐỘ CỦA CÔNG CUỘC GIÁO DỤC ĐỨC TIN.

1. Mức độ 1: Truyền thông kiến thức tôn giáo (Instruction).

Nhằm gia tăng kiến thức và nhận thức. Đây là khởi điểm quan trọng, vì nhận thức là nền tảng của hành động. Thái độ tôn giáo của một người tùy thuộc vào khả năng và trình độ nhận thức của họ. Nhận thức đó sẽ dẫn tới chỗ có thái độ đúng. Vì thế, BIẾT, THUỘC và HIỂU GIÁO LÝ là một đòi hỏi căn bản.

2. Mức độ 2 : Cải tạo lối sống (Education).

Nhận thức là khởi điểm của hành động trong đời sống tự nhiên cũng như đức tin. Nhưng không được dừng ở đó, vì tôn giáo không phải chỉ là một nhận thức lý thuyết không có liên quan đến đời sống, nhưng là một thái độ sống, là chính sự sống của Thiên Chúa truyền thông cho con người. Đạo là một sự hiệp thông với Chúa Ba Ngôi qua Chúa Giêsu Kitô. Do đó, sau khi đã nhận thức đúng, cần phải cải tạo con người để có một lối sống mới tương ứng với nhận thức tôn giáo của mình.

3. Mức độ 3 : Dẫn đưa vào đời sống mới (Intiation).

Cải tạo lối sống vẫn chưa đủ, vì rất có thể có những trường hợp cải tạo thái độ tập quán tôn giáo bên ngoài, lại đưa đến chỗ sống đạo hình thức, giả hình, bề ngoài mà không thực sự có những tâm tình tương ứng bề trong. Kitô giáo không phải chỉ là một thứ luân lý thông thường nhưng còn là thông hiệp vào sự sống của Thiên Chúa qua Chúa Kitô. Một vị giáo phụ ngày xưa đã ví người tín hữu là "những người con trong Người Con".

Vậy việc dạy giáo lý phải nhằm đạt tới mức độ gặp gỡ Chúa Kitô, sống theo gương mẫu của Người, đón nhận nguồn sống mới phục sinh của Người, tháp nhập vào Người như cành nho liền với thân cây và đưa tới một đời sống ẩn tàng kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô. Như thế, công việc giáo dục đức tin chính là một sự khám phá mới không cùng. Giáo lý viên phải đưa học viên mỗi ngày vào sâu trong đời sống kết hiệp với Chúa. Muốn được như vậy, chính giáo lý viên phải có kinh nghiệm sống kết hợp với Chúa trước rồi mới có thể dắt đưa học viên của mình mỗi ngày đi sâu vào đời sống mới.

C. NHỮNG CHIỀU KÍCH THIẾT YẾU CỦA ĐỨC TIN.

1. Đức tin phải có một nội dung vững chắc.

Kitô giáo không phải chỉ là một tình cảm tôn giáo mơ hồ, nhưng dựa trên mặc khải của Thiên Chúa trong Thánh Kinh, nhất là dựa trên con người và lời giáo huấn của Chúa Kitô, Con Thiên Chúa nên rất chính xác. Nội dung đức tin của chúng ta chính là ý định và đường lối của Thiên Chúa. Tin là chấp nhận và thực sự đi vào ý định và đường lối đó. Do đó, lòng tin của người tín hữu phải sáng suốt, phải biết mình tin vào ai và tin điều gì như lời thánh Phaolô : "Tôi biết tôi tin vào ai" (2 Tm 1, 12).

2. Đức tin là sự dấn thân.

Việc biết chân lý phải đưa tới sống chân lý, tức là dấn thân. Dấn thân là biến chân lý thành lối sống và để cho chân lý biến đổi bản thân mình. Tin chẳng những là chấp nhận chân lý mà còn là chấp nhận tất cả những đòi hỏi cụ thể của chân lý ấy. Tổ phụ Abraham xưa kia khi được Chúa kêu gọi, đã sẵn sàng tin Chúa, bỏ quê hương bà con mà đi theo Chúa, bước vào một cuộc sống phiêu lưu vô định (x. St 12, 1-4). Nhưng sự phiêu lưu ở đây là nói theo tâm lý con người, còn về phía Thiên Chúa thì là một sự chắc chắn tuyệt đối.

3. Đức tin phải có tính cách cộng đồng.

Đức tin vừa là việc riêng cá nhân nhưng đồng thời cũng là thái độ chung của toàn thể dân riêng Chúa, vì mỗi tín hữu đều là một thành viên của cộng đoàn dân ấy. Công đồng Vaticanô II đã quả quyết : "Thiên Chúa không muốn cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Người muốn quy tụ họ thành một dân tộc" (Ch. HT 9). Trong thánh lễ, sau kinh Lạy Cha, vị linh mục đọc : "Xin đừng chấp tội chúng con, nhưng xin nhìn đến đức tin của Hội Thánh Chúa...".

Lý do đức tin phải có tính cách cộng đoàn :

- Mỗi người tín hữu nhận được đức tin của Chúa ban qua cộng đoàn Hội Thánh. Trong nghi lễ Bí tích Rửa tội, linh mục chủ sự hỏi : "Con xin gì cùng Hội Thánh ?" - Thưa : "Con xin đức tin".

- Nếu đức tin cúa người tín hữu không được cộng đoàn Hội Thánh nuôi dưỡng bằng của ăn Lời Chúa, bằng các phép bí tích, bằng lời cầu nguyện lẫn cho nhau, bằng gương sáng của những anh em khác... thì đức tin ấy không thể sống được.

Do đó, khi tham dự lễ nghi chung cả cộng đoàn, như thánh lễ chẳng hạn, người tín hữu cần phải hợp ý chung với mọi người hiện diện để tôn thờ Thiên Chúa. Khi tham dự thánh lễ, không nên

làm những việc đạo đức có tính cách cá nhân như lần hạt, đọc sách thiêng liêng... vì như thế làm mất tính cách cộng đoàn của lễ nghi phụng vụ.

4. Đức tin phải là đức tin phục vụ anh em.

Người tín hữu phải sống tinh thần liên đới trách nhiệm trong cộng đoàn Hội Thánh, nhân loại hay quốc gia... Hiến chế Mục vụ viết : "Hội Thánh cảm thấy mình có liên đới với thế giới hôm nay... Phải phục vụ anh em trong tinh thần đức tin" (MV 40-41).

Sống tinh thần trách nhiệm và tình liên đới chính là đem đức tin thấm nhập trong cuộc sống. Điều khó ở đây là cách thức phục vụ của mình : nhiệt tâm phải đi đôi với khiêm tốn, cởi mở, tôn trọng tự do của người khác.

Bài 4

ĐƯỜNG HƯỚNG KHOA HUẤN GIÁO

Tông huấn Dạy giáo lý đã khẳng định đường hướng khoa huấn giáo là KITÔ HƯỚNG, nghĩa là :

1. Mọi khoa dạy giáo lý chân chính hiện nay đều phải lấy Đức Kitô làm trung tâm (Christocentrique). Quan điểm này đã được Thượng Hội đồng Giám mục thế giới khóa IV chuẩn nhận và khẳng định (x. DGL 5) :

a. Ở **trung tâm của khoa dạy giáo lý** phải có Chúa Giêsu thành Nazareth. Người là đối tượng cốt yếu của khoa dạy giáo lý.

b. Dạy giáo lý phải là dẫn đưa người ta đến với Chúa Kitô, giúp người ta dò thấu mầu nhiệm Chúa Kitô.

c. Dạy giáo lý là **bày tỏ ý định vĩnh cửu của Thiên Chúa nơi Ngôi vị Chúa Kitô.**

d. Dạy giáo lý là **tìm hiểu ý nghĩa** mọi cử chỉ, lời nói, hành động, các phép lạ Chúa Giêsu đã thực hiện, những phép lạ ấy vừa biểu lộ vừa che giấu mầu nhiệm của Người.

2. Theo đường hướng này, mục đích tối hậu của việc dạy giáo lý là làm cho người ta không những gặp gỡ mà còn sống **THÔNG HIỆP THÂN MẬT với Chúa Kitô**, vì chỉ mình Người mới có thể đưa ta đến tình yêu Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần (x. DGL 5). Mặt khác, dạy giáo lý có tính cách Kitô hướng còn có ý nghĩa là : mỗi người dạy không được phép thông truyền học thuyết riêng của mình, hay là một học thuyết của ông thầy nào khác ; nhưng dạy giáo lý là ta phải thông truyền giáo lý của Chúa Giêsu Kitô, phải dạy chân lý chính Người thông ban ; nói đúng hơn chính Người là hiện thân chân lý (x. DGL 6).

3. Dạy giáo lý quy chiếu về Đức Kitô có nghĩa là : (x. DGL 7- 8).

a. Trong việc giảng dạy phải làm sao **cho thấy chính Chúa Kitô,** Ngôi Lời nhập thể, Con Thiên Chúa hiện diện, Người **đang giảng dạy**. Các giáo lý viên chỉ là phát ngôn viên của Người, họ để Người dùng môi miệng họ mà giảng dạy.

b. Do đó, mối bận tâm thường xuyên của mọi giáo lý viên là phải thông truyền nguyên vẹn giáo lý của Chúa Giêsu. Họ không được phép quy chiếu về mình, không được lấy ý kiến riêng và thái độ cá nhân mình làm trọng tâm cho người thụ huấn. Họ không được ghi tạc vào lòng học viên ý kiến, cảm nghĩ cá nhân của mình như thể đó là những tư tưởng, cảm nghĩ, giáo lý của Chúa. Mỗi giáo lý viên phải áp dụng cho mình bí quyết dạy giáo lý mà chính Chúa Kitô đã phán : "Đạo Ta dạy, không phải là của Ta, nhưng là của Đấng đã sai Ta" (Ga 7, 16), hoặc như Thánh Phaolô diễn tả : "Tôi đã chịu lấy nơi Chúa điều mà tôi truyền lại cho anh em" (1 Cr 11, 23).

4. Vậy để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy giáo lý theo đường hướng này, giáo lý viên (x. DGL 6) :

a. Phải **chuyên cần học hỏi Lời Chúa.**

b. Phải có **đời sống nội tâm** kết hợp mật thiết với Chúa.

c. Phải có **tinh thần cầu nguyện** liên tục.

d. Phải có **thói quen từ bỏ mình** cao độ.

Tóm lại, tất cả đường hướng giáo lý qua truyền thống Hội Thánh là củng cố trong ta lòng yêu mến Chúa Kitô. Người là Thầy sự thật, Đấng cứu thoát, thánh hóa và hướng dẫn ta. Đấng Hằng sống, Đấng nói, lay động, gây cảm xúc, uốn nắn, xét xử, tha tội và hằng ngày Người cùng đi với chúng ta trên con đường lịch sử "cho đến tận thế" (x. DGL 9). Nên ta phải có đời sống thông hiệp sâu xa với Người, giáo lý viên mới tìm thấy ánh sáng và sức mạnh cho việc canh tân đích thực công cuộc dạy giáo lý mà chúng ta hằng mong đợi (x. DGL 9).

Bài 5
PHƯƠNG PHÁP DẠY GIÁO LÝ

A. DẠY GIÁO LÝ CÁCH NÀO ?

Tông huấn dạy giáo lý đã đặt vấn đề và hé mở cho ta thấy những nét chính yếu của công việc tổ chức và phương pháp huấn giáo :

1. Việc dạy giáo lý, nhất là cho trẻ em và giới trẻ trong thời đại chúng ta thôi thúc chúng ta phải tự hỏi (x. DGL 35) :

a. Làm cách nào trình bày cho thiếu nhi và thanh niên biết Chúa Kitô, Thiên Chúa làm người ?

b. Làm thế nào cho giới trẻ GẶP GỠ được Chúa Kitô bằng chính sự hiểu biết, cảm nghiệm bản thân họ, không phải chỉ bồng bột, nhưng ngày càng sâu sắc?

c. Làm cách nào cho giới trẻ hiểu biết được chính sứ điệp của Người ?

2. Để làm việc này, Tông huấn Dạy giáo lý đề nghị phải đồng thời thực hiện hai việc sau :

a. PHÂN CHIA việc dạy giáo lý thành các giai đoạn khác nhau của cuộc đời.

b. Vận dụng các phương pháp sư phạm giáo lý điển hình và các phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại vào việc dạy giáo lý.

3. Nói chung, về cách giảng dạy giáo lý, Tông huấn "Dạy giáo lý" chỉ thị rõ (x. DGL 21-22) :

a. Giảng dạy không phải là tùy hứng, thiếu sửa soạn nhưng phải giảng dạy có hệ thống, theo một chương trình, nhằm mục đích rõ rệt.

b. Giảng dạy về những điều cốt yếu. Không nên đề cập tới tất cả vấn đề còn đang tranh luận, cũng không nên biến việc dạy

giáo lý thành buổi khảo cứu thần học hoặc chú giải Kinh Thánh theo những đòi hỏi chuyên môn của khoa Thánh Kinh học.

c. Dù sao, việc dạy giáo lý cũng phải khá đầy đủ, không dừng lại ở việc "loan báo thô sơ" (Kêrygma) mầu nhiệm Kitô giáo.

d. Phải khai tâm Kitô giáo toàn diện về tất cả các mầu nhiệm chính trong đạo.

e. Việc làm này không chỉ dựa vào kinh nghiệm cá nhân đơn thuần, nhưng phải dựa vào kinh nghiệm truyền thống (traditio) sống động và linh hoạt của Hội Thánh.

B. PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN GIẢNG.

Giáo lý Hồng ân tận dụng tất cả các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của mọi khoa học, nhất là của huấn giáo, đặc biệt tổng hợp các phương pháp quy nạp - Thánh Kinh và chủ động linh hoạt.

I. Phương pháp quy nạp.

1. Ý niệm.

Để trình bày một vấn đề, một đề tài... người ta có thể sử dụng một trong hai cách sau :

- Đi từ tổng quát đến chi tiết : Thí dụ : Khi miêu tả thân thể con người, người ta nói : thân thể con người gồm có đầu, mình và tứ chi. Sau đó, người ta chỉ cho biết từng phần thân thể : đâu là đầu, mình là phần nào, tứ chi là những gì. Đây là lối trình bày theo phương pháp diễn dịch. Trong các bài giảng lễ, nhiều vị giảng thuyết đã sử dụng lối diễn dịch. Thí dụ : ngay đầu bài, vị giảng thuyết đã công bố : Thiên Chúa là Tình Yêu. Sau đó, người giảng sẽ trình bày những biểu lộ tình yêu của Thiên Chúa để "chứng minh" chân lý Thiên Chúa là Tình Yêu.

- Đi từ chi tiết đến tổng thể : Thí dụ : khi miêu tả thân thể con người, giáo lý viên nói với học viên : Mời các em quan sát cái đầu của con người bên cạnh, rồi nhìn xuống bên dưới đầu, tỏa ra chân tay và sau đó chính học viên nhận định ra thân thể con người gồm những gì. Đây là loại hình thích hợp cho việc mô tả, khơi gợi sự tìm hiểu của người nghe và chính người nghe "khám phá" ra chân lý. Đây là lối trình bày theo quy nạp. Các nhà sư phạm huấn giáo đã nghiên cứu hình thức trình bày này và xây dựng thành một phương pháp huấn giáo.

2. Phương pháp.

Phương pháp này được một nhóm **người Đức tại Munich** áp dụng đầu tiên trong phạm vi giáo lý và truyền bá rất đắc lực, nên người ta gọi là phương pháp Munich. Điểm căn bản của phương pháp này là đi từ cụ thể theo nguyên tắc triết học : "Kiến thức khởi sự từ giác quan" và "không có gì vào trong lý trí mà không qua giác quan trước". Phương pháp này gồm 5 bước liên tiếp và bổ túc cho nhau :

a. Chuẩn bị : Vài lời nối kết bài hôm nay với bài dạy lần trước, rồi lưu ý học viên tới nội dung có ý truyền đạt trong bài mới.

b. Trình bày : Đưa ra những sự kiện cụ thể hoặc tranh, ảnh, tượng, hoặc kể một câu chuyện... có chứa đựng nội dung muốn trình bày để khơi gợi nơi học viên những nhận định, những suy nghĩ về nội dung muốn trình bày.

c. Diễn giải : Từ sự kiện, tranh, ảnh, tượng hoặc câu chuyện đó, rút ra những nhận thức về nội dung muốn trình bày.

d. Tổng hợp : Tóm tắt những điều đã diễn giảng để in sâu vào nhận thức học viên (điểm giáo lý đã có tóm kết trong thủ bản).

e. Áp dụng thực hành : Từ nội dung giáo lý đã nhất trí đó, các học viên được mời gọi tìm ra những điểm thực hành thể hiện nội dung giáo lý vừa tiếp thu trong cuộc sống đời thường.

3. Bài mẫu.

Để có một ý niệm rõ rệt, chúng ta lấy một bài mẫu do chính Henri Stieglitz đã soạn. Xin tóm tắt đại ý :

a. Chuẩn bị.

Lần trước chúng ta đã học về đức tin. Đức tin có cần thiết cho việc cứu rỗi không ?...

Đức tin là một hồng ân cao cả. Mất đức tin là một đại họa. Đó là điều tôi sẽ nói hôm nay cho các em biết. Tôi sẽ kể cho các em nghe một câu chuyện về một chàng thiếu niên mất đức tin, từ đó chúng ta rút ra một bài học là người tín hữu rất có thể phạm tội nặng nghịch cùng đức tin và do đó phải làm thế nào để bảo vệ đức tin ?

b. Trình bày.

Cậu Ất là một đứa trẻ rất ngoan. Mẹ cậu yêu quý và săn sóc lo lắng cho cậu đêm ngày. Nhưng chẳng may bà mất quá sớm... Trên giường bệnh trước khi tắt thở, bà khuyên nhủ con kính sợ Chúa, trung thành trong đức tin...

Cậu Ất hứa giữ lời mẹ. Cậu lớn lên, vẫn đạo đức, ngoan ngoãn... Nhưng rồi một ngày kia, cậu gặp một số bạn xấu, nghe họ chế riễu thái độ và việc giữ đạo của cậu cũng như của tất cả các người Công giáo. Lúc đầu cậu phản ứng mạnh, bênh vực đạo. Nhưng cậu không đủ can đảm lánh xa bạn xấu. Vì thế, nghe mãi, cậu cũng quen tai và dần dần chấp nhận các lời chế riễu công kích của bạn bè. Cậu cũng bắt chước đọc sách báo chống đạo, đâm ra hồ nghi rồi bỏ dần các việc đạo đức. Kết cục, cậu không còn tin Chúa nữa, không tin có đời sau, có thiên đàng, hỏa ngục gì hết !

Nhưng ơn Chúa không bỏ cậu. Một ngày kia, cậu ngã bệnh. Trong cơn mê hoảng, cậu thấy mẹ hiện về trước mắt cậu, bà khóc lóc và trách cậu đã quên lời hứa với mẹ trước khi bà từ trần. Cậu kêu mẹ lớn tiếng rồi bừng tỉnh dậy. Cậu hối hận, quyết tâm trở về cùng Chúa. Cậu xin một linh mục tới, xưng tội và rước lễ sốt sắng, rồi trở lại cuộc sống đạo đức, nhiệt thành rao giảng Lời Chúa.

c. Diễn giải.

- Những nguy hiểm cho đời sống đức tin :

Đấy, các em xem cậu Ất được giáo dục đạo đức như thế mà một ngày kia đã mất đức tin. Tại sao ?

+ Cậu Ất ban đầu còn phản ứng, bênh vực đức tin, nhưng "gần mực thì đen", lâu ngày cậu chiều theo bạn bè và chấp nhận tư tưởng của họ : **Tại bạn bè xấu lôi cuốn**.

+ Các sách báo xấu đầy dẫy khắp nơi, tuyên truyền những lý thuyết phản đạo, phản luân lý. Đọc mãi, cậu Ất đã nhiễm lây : Nguy hiểm thứ hai là **sách báo xấu.**

- Hồ nghi : Đi lại với bạn bè xấu, đọc sách báo xấu, cậu Ất đâm ra hồ nghi về đạo rồi dần dần trở thành khô đạo, không đi lễ, không chịu các phép bí tích... sau cùng thì bỏ đạo, không còn tin gì nữa.

d. Tổng hợp.

(Viết trên bảng) các tội nghịch cùng đức tin :

- Bạn bè cùng kẻ nghịch đạo.
- Đọc sách báo phản đạo.
- Hồ nghi về đức tin.
- Khô khan, lãnh đạm.
- Bỏ đạo, chối đạo...

Các em đã thấy một người Công giáo có thể mất đức tin như thế nào ? Cậu Ất mỗi ngày đi sâu xuống vực thẳm mà không ngờ. Bắt đầu chỉ tại năng lui tới cùng bạn bè xấu, đọc sách báo phản đạo, rồi sinh ra hoài nghi, khô khan, bỏ đạo... Đó là những nguy hiểm làm cho mất đức tin.

e. Áp dụng.

- Nguy hiểm bạn bè, sách báo : Ca dao nói :
"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Hiện nay vẫn có những bạn bè xấu, mất dạy, có sách báo nghịch đạo, phản luân thường đạo lý... Nếu không xa lánh, đức tin chúng ta sẽ bị suy yếu và giập tắt ; phải phản ứng ngay từ đầu kẻo sau dần dần bị nhiễm lây mà không ngờ.

- Hoài nghi : Hồ nghi có thể đến với bất cứ ai. Tự nó không phải là tội. Nhưng chúng ta cần xua đuổi nó khỏi trí óc ta như một chước cám dỗ và bình tĩnh đi học hỏi, bàn bạc với các người đạo đức, thông thái về những chân lý mình chưa hiểu rõ.

4. Lưu ý.

Nên biết rằng không phải bất cứ đề tài giáo lý nào cũng phải theo phương pháp này, và không phải bao giờ cũng theo trật tự gồm đủ các bước nói trên. Một nhà giáo dục có khả năng, vẫn bảo tồn sự tự do của mình và tùy cơ ứng biến, không nhất thiết phải theo mãi một dàn bài, một đường lối.

Với diễn tiến 5 bước theo thứ tự : dẫn nhập - trình bày, diễn giải - tổng hợp - áp dụng của phương pháp quy nạp, nội dung bài giáo lý được nhắc đi nhắc lại 5 lần khác nhau, giúp các học viên thích thú theo dõi, tiếp thu và thực hành.

Giáo lý Hồng ân cố gắng tối đa sử dụng phương pháp quy nạp này để trình bày từng ý chính của bài giáo lý với những thích ứng cần thiết cho 5 bước của diễn tiến tiết giáo lý (x. bài 7).

II. Phương pháp Thánh Kinh.

Thánh Công đồng Vaticanô II dạy : "Phải mở rộng lối vào Thánh Kinh cho các Kitô hữu... Thánh Công đồng tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu hãy năng đọc Thánh Kinh để học biết "khoa học siêu việt của Chúa Giêsu Kitô", vì "không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Kitô" (T. Hiêrônimô). Vậy ước gì mọi Kitô hữu tiếp xúc với chính bản văn Thánh Kinh... Nếu đời sống Hội Thánh được tăng triển nhờ năng nhận lãnh bí tích Thánh Thể, cũng thế, cũng có thể hy vọng đời sống thiêng liêng được đổi mới nhờ thêm lòng sùng kính Lời Chúa, là Lời "hằng tồn tại muôn đời" (Ch. MK 21-26).

Hiến chế Phụng vụ thánh đã xác định :

- "Trong việc cử hành phụng vụ, Thánh Kinh giữ vai trò tối quan trọng... Chính nhờ nguồn cảm hứng và sức phấn khởi của Thánh Kinh mà xuất phát những lời kinh, lời nguyện và những bài phụng ca, đồng thời những động tác và các biểu hiện trở thành có ý nghĩa. Vì vậy để xúc tiến việc canh tân, phát triển và thích ứng phụng vụ, cần phải phát huy lòng mộ mến Thánh Kinh đậm đà và sống động, đã được truyền thống khả kính của các nghi lễ Đông phương và Tây phương minh chứng (Ch. PVT 24).

- "Để bàn tiệc Lời Chúa được phong phú hơn cho các tín hữu, phải mở rộng kho tàng Thánh Kinh hơn để trong một số năm nhất định, phải đọc cho dân chúng nghe phần quan trọng của Thánh Kinh" (Ch. PVT 51).

Tông huấn Dạy giáo lý còn cụ thể hơn : "Việc dạy giáo lý bao giờ cũng lấy nội dung ở nguồn mạch sống động là Lời Chúa... Việc dạy giáo lý phải tiêm nhiễm và thấm nhuần tư tưởng, tinh thần và thái độ theo Kinh Thánh và Tin Mừng, nhờ sự tiếp xúc chuyên cần với chính các bản văn. Việc dạy giáo lý sẽ càng phong phú và hữu hiệu, nếu đọc các bản văn với trí hiểu và tâm hồn của Hội Thánh, lấy cảm hứng ở sự suy tư về cuộc sống của Hội Thánh trong hai ngàn năm" (TH. DGL 27).

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo 1992, ngay từ những trang đầu, sau khi đã nhắc lại Giáo Hội trên đây của Công đồng Vaticanô II và của Tông huấn Dạy giáo lý, đã đưa đến hướng dẫn cụ thể : "Hội Thánh hằng khuyên nhủ đặc biệt các Kitô hữu hãy nhờ việc siêng năng đọc Thánh Kinh để đạt được khoa học cao vời về Chúa Giêsu Kitô" (GLHTCG 133).

Với những chỉ thị trên và các văn kiện khác của Tòa Thánh, Giáo lý Hồng ân mạo muội đi theo các bậc đàn anh trong nỗ lực đưa Thánh Kinh vào huấn giáo : các giáo lý viên và học viên giáo lý tiếp xúc Thánh Kinh bằng mọi cách có thể : đọc - nghe trực tiếp nguyên văn Thánh Kinh qua việc công bố Lời Chúa, nghe những câu chuyện, những nhân vật trong Thánh Kinh... từ đó gặp gỡ và sống thân mật với Chúa Kitô. Cụ thể :

a. Bầu khí lớp giáo lý : Vị trí của sách Thánh Kinh, cung cách giáo lý viên đối với Thánh Kinh, sách giáo lý, nội dung lời giảng, lời cầu nguyện... tạo nên bầu khí Thánh Kinh giúp các học viên dần dần cảm nhận được sự hiện diện của Chúa Kitô trong giờ giáo lý.

b. Vận dụng Thánh Kinh vào lời giảng trong các bước của phương pháp quy nạp :

- Dẫn nhập : Một câu chuyện gợi ý trích từ Thánh Kinh.

- Trình bày : Công bố nguyên văn một đoạn Thánh Kinh chứa đựng nội dung giáo lý muốn trình bày. Các học viên đứng nghe cung kính.

- Diễn giảng : Giáo lý viên phân tích, diễn giảng Lời Chúa vừa được công bố để học viên "khám phá" nội dung giáo lý. Giáo lý viên còn biết vận dụng những lời Thánh Kinh khác để soi sáng, củng cố, bổ túc cho Lời Chúa vừa được công bố hầu làm sáng tỏ những khía cạnh của chân lý đức tin muốn trình bày.

- Tổng hợp : Nội dung của bài giáo lý được tóm kết lại trong một câu Lời Chúa cùng với câu giáo lý trong sách thủ bản. Đó là bài học giáo lý.

- Áp dụng : Được Lời Chúa soi sáng, củng cố và thuyết phục tâm trí, các học viên trao đổi để thống nhất một quyết tâm cụ thể như một thực hành Lời Chúa.

c. Sinh hoạt giáo lý : Khả năng cầm trí của các em có hạn ; đàng khác các em "ham vui" nên cần có những sinh hoạt minh họa. Những sinh hoạt trong giờ giáo lý có mục đích vừa để thư giãn vừa để thẩm thấu nội dung giáo lý. Những sinh hoạt này, cố gắng trong mức độ tối đa, kín múc hoặc khơi nguồn từ Thánh Kinh.

III. Phương pháp chủ động linh hoạt.

Người ta thường dễ nhớ những gì mình phát hiện, khám phá và trân trọng những gì là "của mình". Vì thế, phương pháp quy nạp và Thánh Kinh trên đây phải được thực hiện nhờ phương pháp chủ động linh hoạt :

- Chính các học viên giữ phần chủ động trong cuộc gặp gỡ và sống thân mật với Chúa Kitô. Giáo lý viên chỉ giữ vai trò môi giới, tạo cơ hội, xúc tác... cho cuộc gặp gỡ này được xảy ra sinh động và có chất lượng.

- Chính các học viên "khám phá" chân lý đức tin, nội dung bài giáo lý mà Chúa Kitô muốn thông truyền cho họ. Giáo lý viên là người khơi gợi, hướng dẫn, phấn khích... làm cho nội dung bài giáo lý "nảy sinh" trong tâm trí học viên và được phát biểu trước cộng đoàn.

Bằng những câu gợi ý, bằng những câu chuyện, các phép lạ, các câu nói của các nhân vật Thánh Kinh, các biến cố lịch sử cứu rỗi... bằng những tranh ảnh, học cụ... giáo lý viên giúp các học viên "khám phá" những ý nghĩa, những giá trị, những chân lý đức tin... Giáo lý viên cần vận dụng phương pháp "niềm vui khám

phá" mà Chúa Giêsu nói tới trong dụ ngôn người mẹ sinh con (x. Ga 16, 21) để làm cho lớp học sinh động, có chất lượng.

Bài 6
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ HỒNG ÂN

A. SÁCH GIÁO LÝ.

1.Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo 1992(GL. HTCG92).

Ngày 11.10.1992, bằng Tông hiến "Kho tàng đức tin", Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II đã công bố sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo. Đây là thành quả không những của Ủy ban Giáo lý gồm 12 Hồng y và giám mục, của Tiểu ban biên tập gồm 7 Giám mục giáo phận, những chuyên viên thần học và huấn giáo sau 6 năm làm việc khẩn trương, mà còn là thành quả của toàn thể hàng Giám mục Hội Thánh Công giáo (HTCG).

Sách GLHTCG lấy lại bố cục cũ của truyền thống cổ điển (cuốn GL của Đức Piô V - thế kỷ 16), được trình bày một cách mới: 4 phần được nối kết với nhau :

- Mầu nhiệm KTG là đối tượng của đức tin (phần I - Tuyên xưng đức tin).

- Mầu nhiệm KTG được mừng kính và thông truyền trong các lễ nghi phụng vụ (phần II - Cử hành mầu nhiệm KTG).

- Mầu nhiệm KTG hiện diện để soi sáng và nâng đỡ con cái Thiên Chúa trong đời sống luân lý (phần III - Sống trong Chúa Kitô).

- Mầu nhiệm Kitô giáo đặt nền móng cho kinh nguyện được diễn tả đặc biệt qua kinh Lạy Cha (phần IV : Kinh nguyện Kitô giáo).

Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo cho thấy sự thống nhất đáng phục của mầu nhiệm Thiên Chúa, của ý định cứu rỗi của Người, cũng như vị trí trung tâm của Chúa Giêsu Kitô.

Trong mỗi phần, trước khi trình bày nội dung như sách giáo lý cũ (đoạn II), sách giáo lý mới đã thêm đoạn I làm nổi bật ý nghĩa của phần cũ :

- Phần I : + Đoạn I : Tôi tin - chúng tôi tin.
  + Đoạn II: Tuyên xưng đức tin KTG (*Kinh Tin kính*).
- Phần II : + Đoạn I : Nhiệm cục bí tích.
  + Đoạn II : Bảy bí tích của hto.
- Phần III : + Đoạn I : Ơn gọi làm người.
  + Đoạn II : Mười điều răn.
- Phần IV : + Đoạn I : Kinh nguyện trong đời sống Kitô hữu.
  + Đoạn II : Lời kinh Chúa dạy : Kinh Lạy Cha.

2. Sách GLCG 1996.

Kỳ họp tháng 10.1993, lần họp đầu tiên kể từ ngày công bố sách GLHTCG, HĐGM Việt Nam đã thành lập Tiểu ban Giáo lý trực thuộc HĐGM với chỉ đạo : "Soạn một cuốn giáo lý cho các giáo phận tại Việt Nam, trình độ bình dân dưới dạng hỏi - thưa". Sau 4 năm làm việc, ngày 31.8.1996, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã cho phổ biến cuốn Giáo lý Công giáo với 67 bài, gồm 485 câu giáo lý dưới dạng Hỏi - Thưa.

Cuốn giáo lý này theo sát bố cục và giản lược nội dung của cuốn Giáo lý Hội Thánh Công giáo 1992, có thêm một bài về lịch sử Hội Thánh Công giáo Việt Nam (bài 21) và Điều răn thứ 4 (bài 55) được trình bày dưới nhãn quan đạo hiếu Việt Nam.

3. Sách Giáo lý Hồng ân của Giáo phận Xuân Lộc.

Ngày 17.1.1997, Đức Cha Phaolô-Maria Nguyễn Minh Nhật ra Thông cáo số 01-97/TC về chương trình giáo lý trong giáo phận như sau :

Tòa Giám mục Xuân Lộc

Số 01-97/TC

Xuân Lộc, ngày 17 tháng 1 năm 1997

Kính gửi : - Quý Cha.

- Quý Tu sĩ nam nữ.

Và Anh chị em Giáo hữu Giáo phận Xuân Lộc.

Anh chị em thân mến,

Khi công bố ban hành cuốn Giáo lý Hội Thánh Công giáo, ngày 11.10.1992, Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II đã minh xác : *"Cuốn sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo là một phương tiện có giá trị và có thẩm quyền để giúp Hội Thánh được hiệp thông và là một khuôn mẫu chắc chắn cho việc giảng dạy đức tin"* (Tông hiến KTĐT). Hội Thánh Công giáo Việt Nam đã mau mắn đón nhận hồng ân huấn giáo này, và ngày 31.8.1996, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã phổ biến cuốn Giáo lý Công giáo (bản thử nghiệm) phục vụ công cuộc huấn giáo tại các giáo phận Việt Nam.

Giáo phận Xuân Lộc vui mừng đưa nội dung cuốn Giáo lý Công giáo này vào chương trình huấn giáo thiếu nhi của giáo phận (Giáo lý Hồng ân) trong ba cấp căn bản I - II - III.

Đây là giáo lý căn bản tối thiểu cho mọi người tín hữu trưởng thành vào thiên niên kỷ thứ III. Vì thế, tất cả những người có trách nhiệm giáo dục đức tin đều nhất thiết sử dụng sách GLHÂ vào chương trình giảng dạy và giáo dục đức tin tại các giáo xứ, giáo họ. Chỉ những ai đã học xong cuốn GLCG ít nhất 3 cấp giáo lý thiếu nhi này mới được học Giáo lý hôn phối và tiến hành hôn lễ.

Nguyện xin Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, Thánh Cả Giuse, Bổn mạng giáo phận và các thánh Tử đạo Việt Nam phù trợ cho công cuộc Huấn giáo của Giáo phận.

Thân mến chào anh chị em.

✝PHAOLÔ-MARIA NGUYỄN MINH NHẬT

Giám mục Giáo phận Xuân Lộc

Với Thông cáo trên đây, Giáo lý Hồng ân đã đưa 465 câu nguyên văn của 485 câu giáo lý trong sách GLCGVN 96 vào chương trình căn bản thiếu nhi từ 6 - 14 tuổi.

- Cấp I : sách Đến bàn tiệc thánh.
- Cấp II : sách Lớn lên trong Chúa Thánh Thần.
- Cấp III : sách Sống đạo.

Các sách cho các cấp khác được soạn theo nội dung thích hợp.

SÁCH GIÁO LÝ HỒNG ÂN

Stt	TÊN SÁCH	H. VIÊN	G.ÁN	S.HOẠT	BAND
01	Đến Bàn Tiệc Thánh (mới)	x	x	x	x
02	Lớn lên trong CTT (mới)	x	x	x	chưa
03	Sống Đạo (mới)	x	x	x	chưa
04	Giới trẻ sống TM năm A,B,C	x	x	x	x
05	Đúoc Hồng (Hát - Sinh hoạt)	1995 x	1997 x	1998 x	
06	Băng reo câu hò Thánh Kinh	x			
07	Hiểu và sống phụng vụ	x			
08	Dẫn vào Thánh Kinh	x			
09	Hồng Ân Huấn Giáo *(Sư phạm căn bản)*	Căn bản x	Cấp I x	Cấp II x	
		Cấp III tập 1	Cấp III tập 2		
10	Hôn nhân Công giáo	x			
11	Giáo lý dự tòng	x			
12	Giờ kinh Gia Đình	1. Mt x	2. Mc x	3. Lc x	4. Ga x
13	CTT, Đấng ban sự sống (*học tập theo chủ đề năm 98)*				x

Ghi chú : (x) những sách đã phát hành.

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ.

Dựa theo tâm lý lứa tuổi và các yêu cầu của khoa huấn giáo, chương trình giáo lý thiếu nhi trình bày mầu nhiệm Kitô giáo theo hình vòng tròn xoắn ốc và lên cao : nội dung cuốn Giáo lý Công giáo Việt Nam quy chiếu sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo được trình bày thành ba vòng tròn xoắn ốc mở rộng dần mà tâm điểm là Chúa Kitô :

- Vòng I : Chương trình cấp I với 4 phần của sách Giáo lý Công giáo Việt Nam 1996.

- Vòng II : Chương trình cấp II với 4 phần của sách Giáo lý Công giáo Việt Nam 1996.

- Vòng III : Chương trình cấp III với 4 phần của sách Giáo lý Công giáo Việt Nam 1996.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ HỒNG ÂN
GP. XUÂN LỘC 2003

CẤP	TUỔI	NỘI DUNG	THI CẤP GP 2 năm 1 lần
KHAI TÂM	5 - 6	**Giáo lý Khai Tâm**	
Cấp I **ĐBTT**	7 8 9	**Đến Bàn Tiệc Thánh** Phần I Phần II Phần III + Ôn I, II ***8-9 tuổi:Xưng tội & Rước Lễ***	Tòan bộ cuốn ĐBTT
Cấp II **LLTCTT**	10 11 12	**Lớn Lên Trong CTT** Phần I Phần II Phần III + Ôn I, II ***12 tuổi: lãnh BT Thêm Sức***	Tòan bộ cuốn LLTCTT
Cấp III **SĐ**	13 14 15	**Sống Đạo** Phần I Phần II Phần III + Ôn I, II ***Rước lễ trọng thể***	Toàn bộ cuốn SĐ
VÀO ĐỜI	16 17	**Phụng Vụ Thánh Lễ** **Dẫn Vào Kinh Thánh** **Vào Đời** ***Tốt nghiệp Giáo lý Hồng Ân***	**Cấp *CHỨNG CHỈ*** ***Tốt nghiệp Giáo lý HÂ***
GIỚI TRẺ	17 trở lên	Hôn nhân Công Giáo Chương trình Mục vụ Gp. Tài liệu của Hội Thánh	***CHỨNG CHỈ GLHN***

DỰ TÒNG		Giáo Lý Dự Tòng (6 tháng)	

Bài 7

DIỄN TIẾN CỦA TIẾT GIÁO LÝ

A. TIẾT GIÁO LÝ.

Theo giáo huấn của Tông huấn Dạy giáo lý và phương pháp sư phạm huấn giáo hiện nay, giờ giáo lý được quan niệm là một CUỘC GẶP GỠ và SỐNG HIỆP THÔNG với Chúa Kitô. dạy giáo lý là dẫn đưa các em đến gặp gỡ và sống thân mật với Chúa Kitô (x. TH. DGL 5). Đây là phần đóng góp tích cực của giáo lý viên và không ai thay thế được. Chính giáo lý viên bằng tư cách, tình thương, sự niềm nở và lòng đạo đức của mình, nhờ phương pháp sư phạm độc đáo đức tin, phải cố gắng thực hiện cho bằng được CUỘC GẶP GỠ thân tình và sống động này. Chính Chúa Kitô là Thầy dạy duy nhất về giáo lý, còn các giáo lý viên là dụng cụ, là "phát ngôn viên".

Do đó, trước khi cho các em mở tập giáo lý, giáo lý viên cần dẫn các em đến gặp gỡ và sống thân mật với Chúa Kitô đã. Chính Chúa Kitô đến gặp gỡ các em, thân mật chuyện trò với các em về tình thương của Thiên Chúa là Cha của Chúa Giêsu và Cha của mọi người, đặc biệt Cha yêu thương các em. Chính Chúa Kitô dạy các em về Chúa Cha, về tình thương cứu độ của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Cuốn giáo lý - thủ bản - (cả 3 cấp) - có thể nói chỉ là phần tóm lược nội dung những cuộc gặp gỡ Chúa Kitô. Nói cách khác, sau khi các em đã được giáo lý viên dẫn vào gặp gỡ và sống thân mật với Chúa Kitô rồi, các em mới mở tập giáo lý để ghi nhận, để nhớ nội dung cuộc gặp gỡ vừa thực hiện. Bộ giáo lý "HỒNG ÂN" không phải là sách tự học, nhưng là loại sách cần có người dạy, cần có giáo lý viên. Các giáo lý viên cố gắng tránh lối dạy : cho các em đọc trước, thậm chí học thuộc lòng trước, rồi giáo lý viên đến cắt nghĩa một số từ khó hiểu, kể cho các em nghe một vài câu chuyện "hấp dẫn", hoặc cắt nghĩa sơ

qua nội dung bài và thế là xong. Không, giờ giáo lý là lúc các em GẶP GỠ và SỐNG THÂN MẬT với Chúa Kitô.

B. DIỄN TIẾN CẤP I - II.

Giáo lý Hồng ân cố gắng tổng hợp các phương pháp giảng dạy, nhất là phương pháp Thánh Kinh - hoạt động - quy nạp... Vì thế, giáo án của mỗi bài giáo lý thường có những phần sau :

I. PHẦN NHẮC NHỞ GIÁO LÝ VIÊN.

1. Lời Chúa.

Lời Chúa vừa là sức sống, vừa là phương thức truyền dạy nội dung giáo lý. Do đó, bài giáo lý chọn một câu Kinh Thánh thích hợp với nội dung giáo lý được trình bày. Giáo lý viên phải là người thuộc, suy niệm và sống Lời Chúa đó trước.

2. Ý chính.

Xác định nội dung chính yếu của bài giáo lý.

Đến Bàn tiệc thánh cũng như 2 tập **Lớn lên trong Chúa Thánh Thần** (giáo lý cấp II) và **Sống đạo** (giáo lý cấp III) làm nên một nội dung duy nhất bổ túc cho nhau mà mỗi Kitô hữu phải biết. Mỗi bài là một đề tài (không phải mỗi bài là một tiết giáo lý) gồm nhiều ý chính. Các giáo lý viên cần phân định đề tài thành những tiết giáo lý tùy theo thời lượng của mỗi cấp cho phép. Để giúp các giáo lý viên giảng dạy, Giáo lý Hồng ân cố gắng xác định những ý chính của mỗi bài giáo lý. Trong phần diễn giải nội dung giáo lý, chúng tôi cũng trình bày theo từng ý chính này. Mỗi ý chính sẽ có Lời Chúa chủ lực và được diễn tả như một tiết giáo lý. Giáo lý viên có thể tự dọn những bước I, III, IV, V để làm thành một tiết giáo lý riêng.

3. Tâm tình.

Nhắc cho giáo lý viên yêu cầu phải khơi gợi lên nơi tâm hồn các em trong và sau buổi giáo lý.

4. Chuẩn bị.

Đề nghị một số học cụ, hình ảnh để giáo lý viên chọn trước khi vào lớp giáo lý.

II. GIÁO ÁN.

Dạy giáo lý phải đạt được 3 mức độ :

- TRUYỀN THÔNG KIẾN THỨC TÔN GIÁO.
- CẢI TẠO ĐỜI SỐNG.
- DẪN ĐƯA VÀO ĐỜI SỐNG MỚI TRONG CHÚA KITÔ.

Vì thế, cần vận dụng những phương pháp sư phạm, trình bày sao cho các em dễ tiếp thu, dễ nhớ. Chương trình giáo lý Hồng ân đã đón nhận phương pháp sư phạm văn hóa của các lớp mẫu giáo và cấp I văn hóa nhằm giúp các em :

- Không xa lạ, tách biệt giữa học văn hóa và học giáo lý.

- Thực hiện được cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô và đón nhận giáo lý từ chính Chúa Kitô.

- Cố gắng thuộc và sống nội dung giáo lý ngay trong giờ giáo lý (trong thực tế, các em bị chi phối nhiều bởi cuộc sống xô bồ hôm nay. Thời giờ dành cho giáo lý rất hạn chế). Giáo lý Hồng ân đề xuất diễn tiến giáo lý theo 5 bước sau :

1. Ổn định.

(Giáo lý viên càn làm sinh động và mau chóng bước ổn định).

a. Đón tiếp.

- Các giáo lý viên vui vẻ, tươi cười đón tiếp từng phụ huynh (nếu có) và từng em vào lớp (vào địa điểm giáo lý), thăm hỏi phụ huynh các em về gia cảnh, làm quen với từng em cốt sao cho các em thấy mình được yêu thương và nhập cuộc với mọi người, mau chóng thoát khỏi tâm trạng sợ sệt, xa lạ...

- Đến giờ, giáo lý viên chủ nhiệm chào các em và tự giới thiệu mình và các bạn giáo lý viên khác, nếu có. Cũng nên giới thiệu tổng quát các em học viên (tổng số bao nhiêu, nam, nữ bao nhiêu) tuyên dương sự vui vẻ và vỗ tay chào nhau.

b. Thánh hóa.

Giáo lý viên chủ nhiệm hướng dẫn các em đứng nghiêm trang, khoanh tay, mắt nhìn lên tượng Chúa (nếu có) hoặc hướng lên bàn Lời Chúa, làm dấu thánh giá, cùng đọc kinh Lạy Cha.

c. Dẫn vào bài mới (từ bài giáo lý thứ hai).

Đây chưa phải là lúc kiểm tra bài cũ để lấy điểm mà chỉ là nhắc sơ qua bài cũ để giới thiệu đề bài mới.

2. Em nghe Lời Chúa.

a. Dẫn nhập.

Bằng một kinh nghiệm sống, một điểm mốc (point d'accrochage), giáo lý viên dẫn các em vào tâm tình và thái độ đón nghe Lời Chúa : con người lãnh hội từ những gì cụ thể chung quanh trong đời sống thường ngày, từ đó, mới có thể hiểu được những gì trừu tượng, linh thiêng, nhất là đối với tuổi thơ. Đặc tính của phần này là cái gì cụ thể, dễ hiểu, gây hào hứng thích thú đối với các em nhi đồng, thí dụ một câu chuyện, một hình ảnh, một bài hát hay một đoạn văn ghi tiếng nói của ai đó.

b. Công bố Lời Chúa.

"Ở trung tâm khoa dạy giáo lý phải có Chúa Giêsu thành Nazareth. Người là Con Một tự Cha mà đến, tràn đầy ân sủng và chân lý. Người là đối tượng khoa dạy giáo lý" (DGL 5). Vì thế, Lời Chúa phải được công bố và được đón nhận trong giờ giáo lý.

c. Dẫn giải nội dung giáo lý *(giải thích).*

Đi từ Lời Chúa vừa được công bố, giáo lý viên trình bày nội dung giáo lý bằng ngôn ngữ thích hợp với các em, bằng những

câu chuyện, những hình ảnh, những câu hỏi đáp đơn sơ... Giáo lý viên luôn nhớ là trình bày giáo lý của Chúa Giêsu chứ không trình bày ý kiến cá nhân mình. Đây là phần đóng góp chủ yếu của giáo lý viên vào việc truyền thông giáo lý cho các em.

d. Cầu nguyện.

Giờ giáo lý không phải là giờ học như các môn học khác : tóan -văn - sử... nhưng là giờ các em tiếp xúc với Chúa Giêsu, GẶP GỠ, HIỆP THÔNG với Chúa Giêsu thành Nazareth, Đấng đã sống và dạy chân lý đó. Do đó, sau khi các em lắng nghe và hiểu Lời Chúa, các em nghiêm trang cầu nguyện. Giáo lý viên đọc từng phần lời cầu nguyện, các em lặp lại hoặc giáo lý viên hướng ý cầu nguyện. Cũng có thể dần dần tập cho các em cầu nguyện tự phát.

3. Em nhớ Lời Chúa.

Đây là lúc giúp các em nhớ nội dung chính yếu của bài học giáo lý : các em cố gắng thuộc ngay tại lớp giáo lý SAU KHI ĐÃ HIỂU tương đối : các em học một lời Kinh Thánh và những câu hỏi - thưa (được trích từ sách GLCG do HĐGMVN phổ biến năm 1996 bắt nguồn từ cuốn Giáo lý Hội Thánh Công giáo ban hành ngày 11.10.1992).

4. Em sống Lời Chúa.

a. Sinh hoạt.

Các em thiếu nhi (6 - 12t) là tuổi hồn nhiên, thích chơi nhưng là chơi để học, chơi để sống. Vì thế, những bài hát cùng với những vũ điệu đơn sơ, những băng reo, câu hò, chuyện kể, trò chơi... là những phương thức thích hợp và linh động với các em. Đây là phần đề nghị, giáo lý viên có thể tùy nghi chọn hoặc thay thế bằng những bài hát khác thích hợp. Tập sinh hoạt "Đến bàn tiệc thánh" đề nghị một số sinh hoạt cho mỗi đề tài giáo lý để giáo lý viên tùy nghi sử dụng. Các sinh hoạt cần thích hợp với ý chính của tiết giáo lý và tâm lý các em.

b. Thực hành.

Để sống giáo lý, giáo lý viên cố gắng gợi ý giúp các em thực hiện một hành vi, một việc tốt thích hợp với bài giáo lý. Trong sách học viên, có ghi điều thực hành. Đây chỉ là đề nghị. Giáo lý viên cần xem xét thực tế của môi trường và tâm lý để gợi lên những việc làm thiết thực.

c. Bài làm ở nhà.

Tùy hoàn cảnh, trình độ và điều kiện, giáo lý viên có thể đề xuất với các em một bài tập làm ở nhà, chẳng hạn tô hình ảnh của bài giáo lý hay đóng khung, tô màu điểm thực hành...

5. Kết thúc giờ giáo lý.

Khi hết giờ giáo lý, giáo lý viên căn dặn các em vài điều cần thiết về việc học bài, sống bài giáo lý...

Sau đó tất cả nghiêm trang đứng dậy tạ ơn Chúa với lời kinh ngắn (Sáng danh...) hay lời cầu tự phát.

Giáo lý viên cũng nên tập cho các em biết chào giáo lý viên và giáo lý viên cũng vui vẻ chào lại.

C. DIỄN TIẾN CẤP III.

Trong giáo án cấp I và cấp II, chúng ta đi theo giáo trình 5 bước.

1. Ổn định.
2. Em nghe Lời Chúa.
3. Em nhớ Lời Chúa.
4. Em sống Lời Chúa.
5. Kết thúc.

Trong giáo trình cấp III, nếu muốn, các Bạn vẫn có thể đi theo diễn tiến đó. Sách "SỐNG ĐẠO" (phần học viên) vẫn được trình bày tương tự sách "ĐẾN BÀN TIỆC THÁNH" và "LỚN LÊN TRONG CHÚA THÁNH THẦN".

Tuy nhiên, vì yêu cầu tâm lý và khả năng tiếp thu của các học viên, cũng như theo mẫu gương sống của Chúa Giêsu, chúng tôi giới thiệu một diễn tiến khác, không trái nghịch nhưng bổ túc cho giáo trình hai cấp trước :

1. Ổn định.

2. Từ cuộc sống.

3. Lên tới Chúa.

4. Trở về cuộc sống.

5. Kết thúc.

I. Yêu cầu tâm lý và khả năng tiếp thu.

Như chúng ta biết, tuổi trẻ luôn biến động : về thể xác, các em lớn như thổi, quần áo phải thay mỗi năm ; về tâm lý, các em sắp giã từ những gì là con nít để tập "làm người lớn", các em khó chấp nhận những gì của thời con nít, muốn thay đổi... Đàng khác, cùng với tuổi đời, trí khôn các em đã phát triển hơn, biết suy nghĩ, biết quan sát nhiều hơn. Những đụng chạm với cuộc sống thực tế : các biến cố xảy ra trước mắt, các công việc mà các em tham gia trong sinh hoạt gia đình, trường học, bạn bè... thường khơi lên trong tâm trí các em những thắc mắc, những suy nghĩ liên quan đến ý nghĩa và giá trị nhân sinh, tâm linh, tôn giáo. Vì thế :

1. Giáo lý của tuổi thiếu niên, phải là giáo lý khởi đi từ cuộc sống. Do đó, thay vì "dẫn nhập" như trong cấp I và II, bài giáo án cấp III bắt đầu từ cuộc sống : những biến cố, những mẩu chuyện từ cuộc sống được nêu lên có mục đích khơi gợi trong tâm trí các em những thắc mắc về ý nghĩa, về giá trị, về cách thức ứng xử v.v...

2. Trước những thắc mắc, suy nghĩ ấy, giáo án cấp III muốn giới thiệu cho các em một phương thức tìm giải đáp cho những vấn đề của cuộc sống : không tìm giải đáp nơi chính bản thân còn nhiều hạn chế về kinh nghiệm, về hiểu biết ; cũng không tìm giải

đáp nơi người đời (x. Gl 1, 16), nhưng **lên tới Chúa** để tìm gặp Chúa (x. Mt 6, 33) trong cầu nguyện, đặc biệt trong Lời Chúa, xin Chúa dạy dỗ, soi sáng và ban ơn.

3. Khi đã biết được ý Chúa rồi, khi đã đón nhận được lời dạy bảo của Chúa và có được ơn Chúa phù trợ rồi, người tín hữu được mời gọi trở về cuộc sống để sống chính cuộc đời của mình : đạo Công giáo là đạo nhập thế.

II. Chúa Kitô, mẫu gương sống đạo.

Chúa Giêsu Kitô đã sống trọn kiếp người trần gian, trừ tội lỗi. Người là mẫu gương tuyệt vời cho mọi người, đặc biệt cho người trẻ (x. Mt 3, 17 ; 17, 5). Người vẫn đang mời gọi từng người chúng ta "Hãy theo tôi" (Mt 4, 19 ; 9, 9) để Người làm cho chúng ta "được sống và sống dồi dào" (Ga 10, 10).

Một điểm nổi bật trong cuộc sống trần gian của Chúa Giêsu là việc Người kết hợp liên lỉ với Chúa Cha (x. Ga 10, 30). Sự kết hiệp này được biểu lộ rõ rệt và sâu đậm qua những giờ cầu nguyện trên núi (x. Mt 14, 23 ; Lc 6, 12 ; 9, 28 ;...) nhất là trước những việc hệ trọng (x. Mt 1, 1-2 ; Lc 6, 12 ; Mt 27, 46 ;...) Nếp sống này là mẫu gương cho mọi tín hữu : Họ biết **"lên núi"** để gặp gỡ Thiên Chúa là Cha yêu thương hằng quan tâm chăm sóc, dạy dỗ, hướng dẫn họ. Từ cuộc sống nhiều đắng cay và khó hiểu, người tín hữu được mời gọi **"lên núi"** để gặp gỡ Thiên Chúa, đón nhận giáo lý của Chúa (x. Môsê trong Xh 19, 3.20 ; 14, 12-28 ;...). Nhờ những cuộc gặp gỡ thân tình và yêu thương "trên núi" với Thiên Chúa, người trẻ không những được Chúa Giêsu soi sáng, dạy cho thấy ý nghĩa, giá trị của từng biến cố, từng sự việc, từng khó khăn... mà còn được "mách nước", được dạy cho biết những cách giải quyết vấn đề đúng nhất, tốt nhất ; những giải pháp hiệu quả nhất ; đồng thời còn được hỗ trợ những năng lực cần thiết, những ân sủng nội tâm và những sức mạnh tinh thần...

Được tiếp xúc với Chúa rồi, được Chúa soi sáng, dạy dỗ cho biết ý nghĩa, giá trị của những biến cố cuộc đời rồi ; cũng như được Chúa dạy cho biết cách sống, biết cách giải quyết vấn đề rồi, người trẻ **trở về cuộc sống** với một sức sống mới, một nghị lực dồi dào, họ dấn thân vào cuộc sống với một niềm tin tưởng và phấn khởi. Họ sẽ làm dậy men cuộc đời và trở thành "nhà truyền giáo" âm thầm nhưng đắc lực (x. Ch. HT 31).

Từ cuộc sống - lên tới Chúa - trở về cuộc sống là nhịp sống hằng ngày, hằng tuần, hằng năm, là nhịp sống thường xuyên, nhất là trong những biến cố quan trọng của cuộc đời, trong những éo le của cuộc sống, những trăn trở, thao thức, cả những lúc bị phản bội v.v... Huấn lệnh cho người trẻ có được một kiến thức đức tin đúng đắn, vững vàng ; có được một thói quen biết đi **"từ cuộc sống - lên tới Chúa - trở về cuộc sống"** trong một ý thức mới, một nghị lực mới là đạt được mục đích, yêu cầu của khoa huấn giáo, một công cuộc giáo dục đức tin : không chỉ gặp gỡ nhưng còn biết sống thông hiệp thân mật với Chúa Kitô (x. TH. DGL 5) : "Tôi sống nhưng không phải là tôi, mà là Chúa Kitô sống trong tôi" (Gl 2, 20). Đây là một ý hướng rõ rệt và cố gắng liên tục của chương trình Giáo lý Hồng ân làm nên **linh đạo giáo dân**, nếu được phép gọi như thế.

ĐỐI CHIẾU
DIỄN TIẾN TIẾT GIÁO LÝ HỒNG ÂN VÀ PHƯƠNG PHÁP QUI NẠP

PHƯƠNG ÁN 1(C.I+II)	PHƯƠNG ÁN 2 (C.III)	PHƯƠNG ÁN QUI NẠP
I. Ổn định : 1. Đón tiếp 2. Cầu nguyện đầu giờ 3. Dẫn vào bài mới	**I. Ổn định :** 1. Đón tiếp 2. Cầu nguyện đầu giờ 3. Dẫn vào bài mới	**I. Chuẩn bị**
II.Em Nghe Lời Chúa: 1. Dẫn Nhập 2. Công Bố Lời Chúa 3. D.giải nội dung GL 4. Cầu nguyện	**II. Từ cuộc sống.** **III. Lên tới Chúa** 1. Công bố Lời Chúa 2. Tìm kiếm ý Chúa 3. Lãnh nhận ơn Chúa	**II. Trình bày** **III. Diễn giải**
III. Em nhớ Lời Chúa 1. Lời Chúa 2.Bài giáo lý *(hỏi- thưa)*	**III. Trở về cuộc sống** 1. Lời Chúa 2. Bài giáo lý *(hỏi-thưa)*	**IV. Tổng hợp**
IV. Em Sống Lời Chúa	3. Sinh hoạt 4. Thực hành 5. Bài làm ở nhà	**V. Áp dụng**
V. Kết thúc 1. Nhắc nhớ 2.Tạ ơn 3. Chào nhau-kết thúc	**V. Kết thúc** 1. Nhắc nhớ 2.Tạ ơn 3. Chào nhau-kết thúc	

Bài 8
CÁC SINH HOẠT HỖ TRỢ HUẤN GIÁO

Hoạt động do các học viên thi hành trong giờ giáo lý là một trong những cách áp dụng cụ thể cái người ta gọi là "phương pháp hoạt động". Những hoạt động này có mục đích giúp học viên nghe và đón nhận Lời Chúa một cách dễ dàng đầy đủ hơn.

Ở đây chỉ bàn tới các hoạt động có liên quan trực tiếp tới bài dạy giáo lý và được thi hành trong giờ lớp chứ không bàn tới những hoạt động trong đời sống thường nhật theo yêu cầu của đức tin.

I. HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢNG DẠY GIÁO LÝ.

1. Hoạt động chuẩn bị bài dạy giáo lý.

Đó là những hoạt động có mục đích chuẩn bị học viên đón nhận Lời Chúa. Tỷ dụ : làm một cuộc điều tra tâm trạng (enquête de mentalité) của một lớp người học giáo lý, điều tra về số các linh mục, tu sĩ trong giáo phận khi dạy về ơn thiên triệu hoặc điều tra về quan niệm, nhận xét, cảm nghĩ của dân chúng về Hội Thánh, về công đồng, về nhiệm tích Giải tội hay cách chung về đạo Công giáo...

Hoặc tổ chức những cuộc hành hương, viếng thăm, xem phim ảnh, tham dự cử hành tôn giáo... có liên quan tới đề tài sẽ giảng trong lớp giáo lý. Đến khi giảng dạy, chúng ta sẽ khởi sự từ những hoạt động đã thực hiện để đi tới mầu nhiệm có ý công bố. Khi tổ chức những hoạt động cho học sinh, giáo lý viên phải biết hướng dẫn theo mục đích mình có ý đi tới.

2. Những hoạt động hỗ trợ.

Liệu sao cho những hoạt động của giáo lý viên xen lẫn với hoạt động của học viên. Hoạt động dưới nhiều hình thức, như lối vấn đáp : giáo lý viên đặt câu hỏi cho các em trả lời hay để cho

các em đặt các câu hỏi, đọc và chú thích các bản văn, giảng theo kiểu đối thoại... Dầu sao, giáo lý viên cũng phải biết hướng dẫn, tổng kết các ý tưởng lại theo như mục đích đã đặt.

Hơn nữa, để minh họa cho lời giảng, giáo lý viên có thể kể chuyện, tập những bài hát thích hợp kèm theo các cử điệu đơn giản, những trò chơi nhẹ trong lớp hay ngoài trời v.v... Khi sử dụng những hoạt động này, giáo lý viên vừa làm cho các em dễ hiểu bài, thích thú tiếp thu và hứng khởi đem giáo lý vào cuộc sống. Muốn vậy, giáo lý viên phải biết chọn lựa, thay đổi và biết tự hạn chế không làm tất cả những gì mình thích hoặc chỉ gây vui nhộn suông... nhưng chú trọng đến ý tưởng, nội dung muốn truyền đạt.

3. Hoạt động nối tiếp bài giảng giáo lý.

Đối với trẻ em, các hoạt động thường được thi hành sau bài giảng giáo lý, mục đích là để các em thấm nhiễm giáo lý sâu xa hơn, làm thành của mình, diễn tả theo khả năng của mình và minh nhiên hóa thái độ đáp ứng trước Lời Chúa.

Những hoạt động này cũng là dịp gây đối thoại giữa giáo lý viên và các em, giữa các em với nhau, cộng tác với nhau thân mật hơn.

Thí dụ : tô màu, nặn hình, cắt hình, vẽ, làm bản đồ, chép đoạn văn hay, bài làm... làm biểu ngữ, tìm tài liệu, làm báo tường, thuyết trình, mở cuộc thăm dò, điều tra dư luận, thống kê, những cuộc hội thảo theo nhóm, những cử hành tôn giáo, những cuộc thăm viếng bệnh nhân, cơ sở từ thiện, địa điểm truyền giáo v.v...

II. CÁC LOẠI HOẠT ĐỘNG.

Có thể phân loại theo nhiều cách khác nhau, tỷ dụ hoạt động về trí nhớ, trí hiểu, hoạt động về kỹ thuật văn phạm, tình cảm, hoặc hoạt động Kinh Thánh, phụng vụ tùy tài liệu. Ở đây phân loại theo quá trình suy tư của trí khôn.

1. Những hoạt động chỉ để ghi chú các sự kiện xảy ra : tỷ dụ các sự kiện đời sống Chúa Kitô, tác động của các nhân vật trong bài dụ ngôn, sinh hoạt của linh mục... Đó là những hoạt động quan sát cần phải có lúc ban đầu để rồi tiến sang các hoạt động sau.

2. Hoạt động giúp đi từ sự kiện sang hoạt động, từ dấu hiệu tới ý nghĩa : chẳng hạn qua các lời nói, việc làm của Đức Giêsu, tìm hiểu cho biết Người là ai. Ý nghĩa của bài dụ ngôn, của các phép lạ, ý nghĩa của cuộc thương khó, sống lại. Chú thích những ảnh tượng Chúa, Đức Mẹ... ý nghĩa những nghi thức phụng vụ...

Nên dùng những lối so sánh loại suy, đối lập để làm nổi bật ý nghĩa (hạnh phúc của Chúa và của thế gian, chủ trương của Phúc âm và thế gian về hạnh phúc).

3. Hoạt động giúp học viên đi từ mầu nhiệm sang sự kiện : Đó là đường lối diễn dịch. Tỷ dụ bảo học viên phán đoán một sự kiện, một thái độ theo lý tưởng Phúc âm dạy ; tìm cách áp dụng mầu nhiệm vào cuộc sống thực tế. Tìm ra những lầm lỗi trong đoạn văn hoặc câu chuyện cũng thuộc về loại hoạt động này. Các nố lương tâm...

4. Hoạt động giúp học viên đi từ sự kiện này sang sự kiện khác ; kể ra các sự kiện nối tiếp nhau hoặc cùng xảy ra đồng thời. Những sự kiện nổi bật trong cuộc đời Abraham, Chúa Giêsu, các sinh hoạt truyền giáo của Hội Thánh qua lịch sử... Sự đối ứng giữa Cựu ước và Tân ước. Thực sự, các hoạt động loại này chỉ để chuẩn bị đạt tới mầu nhiệm hoặc một khía cạnh của mầu nhiệm có ý nghiên cứu. Phải lưu ý tránh sự hời hợt nông cạn, chỉ để ý rảo qua các sự kiện, mà không đủ khả năng đi vào chiều sâu, tổng hợp và tìm ra ý nghĩa then chốt của các sự kiện.

5. Hoạt động giúp học viên đi từ khía cạnh mầu nhiệm này tới khía cạnh khác : nghĩa là tìm mối tương quan giữa những khía cạnh khác nhau của mầu nhiệm. Thí dụ :

- Đối chiếu Cựu ước và Tân ước, nối kết cuộc khổ nạn, phục sinh, thăng thiên, lễ Hiện xuống và Hội Thánh.

- Đời sống Chúa Kitô và đời sống các thánh, các bí tích... liên quan với nhau thế nào.

- Chúa Giêsu trước và sau phục sinh.

- v.v...

III. QUY LUẬT HOẠT ĐỘNG GIÁO LÝ.

Ở đây không có ý đi vào chi tiết về các hoạt động giáo lý, chỉ bàn về ý nghĩa và những điều kiện để cho các hoạt động nói trên có hiệu quả.

Muốn cho các hoạt động giáo lý đạt mục đích, phải lưu ý tới hai quy luật căn bản của việc giáo huấn đức tin.

1. Trung thành với sứ điệp tôn giáo.

Các hoạt động phải nhằm gây thái độ đức tin, chứ không phải là những việc giải trí, hoàn toàn tự nhiên. Vẽ, viết, chép bài, múa hát... tuy là những hoạt động tự nhiên, hoạt động đời, nhưng phải được hướng về một thái độ tôn giáo cách trực tiếp hay gián tiếp. Chép một câu Kinh Thánh cũng là cách giúp cho học viên thấm nhiễm tư tưởng Phúc âm.

Điều cần là giáo lý viên phải có ý thức về điểm đó và hướng các hoạt động về mục đích nhắm tới.

2. Trung thành với con người.

Nghĩa là thích hợp với khả năng, với điều kiện tinh thần thể xác của học viên, để gây một hoạt động tinh thần chân thực trong đức tin. Muốn vậy, các hoạt động giáo lý phải :

a. Theo nguyên tắc chung đi từ **các sự kiện tới mầu nhiệm**, trừ phi tuổi tác hoặc kiến thưc sẵn có cho phép theo đường lối khác.

b. Liệu cho các học viên **có sáng kiến và tự do** trong các hoạt động, đừng quá dễ dàng gần như vô ích hoặc chỉ thụ động bắt chước theo như thầy dạy.

c. **Thích hợp với tuổi, khả năng, hoàn cảnh từng người**, một việc ra cho tất cả lớp làm đồng đều trong một thời gian nhất định như nhau không kết quả bao nhiêu.

d. Nên có **nhiều hình thức thay đổi** để vận dụng toàn diện con người, tinh thần, thể xác, trí nhớ, trí hiểu...

e. Hướng về **đời sống thực hành** : Đời sống đạo thường nhật.

f. Nên đặt **một ý niệm duy nhất** cho các hoạt động trong một buổi giáo lý, đừng để cho trí khôn tản mác quá vào các khía cạnh của mầu nhiệm cùng một lúc.

Kết : Trên đây mới là những nét tổng quát về hoạt động giáo lý. Chúng ta sẽ còn dịp đi sâu hơn vào đề tài này, vì đây là những sinh hoạt cần thiết và ích lợi cho công cuộc Huấn giáo ngày nay.

PHẦN III

TÂM LÝ LỨA TUỔI

Tìm hiểu tâm lý trẻ em để đi sâu vào sư phạm giáo lý được phân chia theo các giai đoạn khác nhau của cuộc đời (Tông huấn "Dạy giáo lý trong thời đại chúng ta" của ĐGH Gioan-PhaolôII, ban hành ngày 16.10.1979).

Trong chương trình giảng dạy giáo lý, tìm hiểu tâm lý trẻ em để có thể trình bày giáo lý một cách dễ cảm nghiệm nhất, mang tính giáo dục Đức tin và sống Đức tin cao nhất.

Sau đây là những đặc điểm tiêu biểu nhất của tâm lý trẻ em từ 3 tuổi đến 16 tuổi, với phần trình bày tổng quát về những khái niệm cụ thể, ngắn gọn nhất, để dễ tìm hiểu những đặc điểm tâm lý của trẻ em.

I. TÂM LÝ TỔNG QUÁT.

Đây là những gợi ý khái quát nhất, mục đích giúp các giáo lý viên ; làm quen với tâm lý trẻ em, đi vào thế giới tâm lý trẻ em một cách nhanh gọn và dễ hiểu nhất (theo nhu cầu cấp bách và đột xuất của các khóa Sư phạm giáo lý ngắn ngày).

Gợi ý đầu tiên là một nguyên tắc chung và đặc thù để cảm nhận những đặc điểm tâm lý của từng lứa tuổi là nhớ lại quá trình phát triển tâm lý của bản thân mỗi người. Lý do là vì mỗi người đã trải qua từng lứa tuổi đó, với mọi thể hiện về tâm lý, ở mọi hoàn cảnh khác nhau, đa dạng và phức tạp.

Như thế, đề cập đến tâm lý, đặc biệt là tâm lý trẻ em, là nói đến những tác động tâm linh, của trái tim, thể hiện ra ngoài bằng những thái độ cụ thể trong cuộc sống, trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

Chạm mặt với tâm lý trẻ em, tâm lý giáo dục, nếu giáo lý viên hoặc nhà giáo dục biết liên tục thường xuyên đặt 4 câu hỏi sau đây :

- Thể lực của trẻ em ra sao ? (sức khoẻ bẩm sinh hoặc di truyền).

- Tánh tình của trẻ thế nào ?

- Trí tuệ (với những năng khiếu, tư chất của trẻ ra sao ? (có thông minh không và thông minh như thế nào ?).

- Môi trường sống và những biến cố ảnh hưởng, tác động đến trẻ ra sao? (nói đến tiểu sử với những ấn tượng tâm lý sâu đậm).

Về câu hỏi khóa thứ 4, các nhà tâm lý đã nêu lên một số những ấn tượng tâm lý sâu đậm có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến trẻ suốt cả cuộc đời :

- Cưỡng bức trẻ ôm hôn xác một người thân đã chết.

- Người cha say rượu trở về nhà đánh đập vợ con, kèm với gương mặt và cử chỉ điệu bộ ghê rợn, kinh dị...

- Trẻ bị lạc mẹ ở đám đông, với tâm trạng sợ hãi kinh hoảng...

- Cha mẹ cãi lộn, đánh lộn trước mặt trẻ.

- Trẻ chứng kiến hoặc bản thân bị tai nạn giao thông.

- Trẻ bị người lạ mặt bắt giữ trong nhiều ngày.

- Trẻ bất ngờ chứng kiến, hoặc tò mò xem cảnh người lớn làm tình.

- Kể chuyện ghê sợ, kinh dị để buộc trẻ nín khóc.

- Nhốt trẻ ở phòng tối để phạt.

- Trẻ sống trong bầu khí căng thẳng bất hòa thường xuyên của gia đình.

- Trẻ bị "nhốt" vào nhà nội trú (ở nội trú vì bị cha mẹ phạt, chứ không phải để giáo dục tốt hơn) v.v...

Nói đến vấn đề tâm lý cũng còn là tìm hiểu về những cuộc khủng hoảng lớn của một kiếp người với những đặc điểm tâm sinh lý ảnh hưởng mạnh mẽ và quyết định đến con người. Các nhà tâm lý Đông Tây đã đề cập đến các cuộc khủng hoảng chính sau đây :

- Khủng hoảng dứt sữa (thôi bú : Crise de sevrage) : trẻ cảm thấy hình như người mẹ bỏ rơi và hết thương nó, vì mẹ không cho con bú hoặc không ẵm bồng nó nữa trong thời gian thôi bú.

- Khủng hoảng nhà trẻ mẫu giáo, nếu trước khi gửi vào nhà trẻ mẫu giáo, cha mẹ đã răn đe và nói xấu về đời sống ở nhà trẻ mẫu giáo như : "Con không ngoan, mẹ tống cổ con vào nhà trẻ cho bỏ đói, không rước về".

- Khủng hoảng dậy thì (grande crise de la puberté) : Cuộc khủng hoảng lớn nhất của đời người vì đây là thời kỳ phát triển và thay đổi mạnh mẽ và quyết định về tâm sinh lý.

- Khủng hoảng "tam thập lập thân" của tuổi 30 -33 : Theo quan niệm dân gian Á Đông, đây là tuổi gặp nhiều vận rủi : "Ba mươi mốt bước qua, ba mươi ba bước lại", "Không chết người thì mất của".

- Khủng hoảng "hồi xuân" của tuổi trên dưới 50, với những mặc cảm về địa vị, quyền hành, cùng với những đòi hỏi sinh lý như hồi thanh xuân.

- Khủng hoảng tuổi già : với những mặc cảm bị bỏ rơi, vô dụng, thiếu tình thương.

- Khủng hoảng hấp hối : trước những dằn vặt giữa "tham sinh úy tử" (ham sống sợ chết), giữa thiện và ác (thiên thần và quỷ dữ) tranh giành quyết liệt, dứt điểm trước thềm thiên đàng, hỏa ngục...

Tóm lại, khi đề cập đến các vấn đề, các biến cố trên, chính là đi sâu vào ngành tâm lý (tâm lý giáo dục) để hiểu biết và đề ra các biện pháp giáo dục, đặc biệt đi đôi với sư phạm giáo lý của chương trình bồi dưỡng đức tin Kitô giáo cho trẻ em ở các lứa tuổi.

II. ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ LỨA TUỔI 3 - 6.

Trước khúc quanh lạ lùng của những tuổi 6 - 7 ngay lúc thoát khỏi tuổi ấu nhi, tuổi mà thế giới của các em bé được thu gọn tối đa xung quanh một cặp "mẹ con, con mẹ" thì thế giới của

trẻ là một thế giới thần tiên, nghĩa là một thế giới mà các mối quan hệ giữa các sự việc không tuân theo một luân lý nào cả, là một thế giới mà ý muốn toàn năng. Đây là lứa tuổi độc tài và pha trò. Sau đây là những đặc điểm chính của lứa tuổi này.

1. Trẻ em sống trong sự thần tiên, huyền diệu.

Một em bé gái 8 tuổi nói : "Cháu, cháu không tin ông già Noel" và bé gái cho biết lý do : "Ông già Noel không thể cùng một lúc mà ở khắp các nhà và khắp các thành phố trên thế giới, ông ta không thể chui nhà ống khói và vách tường, ông ta không thể mang được tất cả các món đồ chơi này. Vả lại người ta có bán các đồ chơi trong các cửa hàng, và ông già Noel của cây Noel trong trường chỉ là một học sinh lớn hóa trang".

Một bé trai 5 tuổi nghe chuyện và trả lời rất quả quyết : "Còn cháu, cháu tin ông già Noel... cháu không biết ông làm thế nào, nhưng ông ta đã mang đến những đồ chơi".

Bé trai này cũng nhận ra ông già Noel chính là cậu học sinh hóa trang, nhưng trong tâm thức trẻ con của mình, cậu học sinh lớn kia cũng có thể đồng thời là ông già Noel, cũng như Pinôkiô (Buratino) tuy bằng gỗ, nhưng họ đâu có ở trong đó. Vậy thì cắt nghĩa làm sao ?".

Tôi nói với bé gái lớn : "Cũng có nhiều người nói chuyện, hát múa trong tivi, nhưng họ đâu có ở trong đó. Vậy thì cắt nghĩa làm sao ?".

Bé lớn trả lời : "Đó là cái máy, cháu không biết nó chạy như thế nào, cũng như máy điện thoại vậy". Còn bé trai 5 tuổi thì lại nói : "Họ đang ở trong máy đấy. Họ rất nhỏ".

Qua cuộc đối thoại trên, ai cũng thấy sự khác biệt của hai thế giới trước và sau khúc quanh của tuổi có trí khôn. Trong thế giới thần tiên của trẻ em, **ý muốn là toàn năng, không có trở ngại vật chất, chỉ có ý xấu của người lớn**.

Vì thế đến lượt trẻ thử cái thần tiên của ý muốn mình. Nó trả lời "không" cho mọi đề nghị, mọi sai bảo ; nó đòi hỏi và nói : "Tôi muốn" một cách uy quyền. Những cơn giận hoặc nước mắt cũng chỉ là những thái độ "thần tiên", là những kiểu nói để nhận được điều ước muốn.

Vì vậy ở lứa tuổi này, cha mẹ không được coi trẻ em con cái như một "người lớn còn nhỏ". **Lý luận với trẻ chỉ vô ích,** vì đó là thứ ngôn ngữ mà nó không hiểu. Điều vô lý mà trẻ em muốn thì không chứng minh, nếu chứng minh thuyết phục thì chính là ý xấu của người lớn. Trái lại, **phải làm cho trẻ cùng tham gia vào việc thực hiện điều nó đòi hỏi**. Làm như ta thực tình muốn giúp trẻ hoàn thành điều nó muốn. Dưới đây là câu chuyện điển hình về điều đó: "Có một người ông rất khôn ngoan. Ngày kia, đứa cháu nói với ông bằng một giọng thật yêu sách và quả quyết : "Cháu muốn mặt trăng". Ông bình tĩnh trả lời : "À được ! Nếu cháu thực sự muốn mặt trăng, ông và cháu sẽ đi tìm nó khi nó vừa xuất hiện". Thế là hai ông cháu chờ đêm đến. Ngay khi vầng trăng tròn và hấp dẫn vừa xuất hiện, hai ông cháu liền bắt đầu lên đường, thẳng đến chân trời, nơi có mặt trăng treo lơ lửng. Đi được chừng hai cây số, cậu bé thều thào hỏi thăm ông xem còn xa không ! Ông nói : "Còn xa lắm cháu ạ. Ông cháu chúng ta chưa bắt được mặt trăng đêm nay đâu, nhưng nếu cháu vẫn còn muốn, thì chúng ta cứ phải tiếp tục lên đường...". Mười lăm phút nữa trôi qua và... cuối cùng cậu bé đã từ bỏ ý muốn lấy mặt trăng... !

2. Trẻ em là trung tâm điểm vũ trụ.

Đây cũng là lứa tuổi mà lòng tự yêu mình (le narcissisme) trỗi dậy. Đó là **sự vuốt ve cái tôi và sự tự thỏa mãn,** như nàng thủy tiên (Narcisse) bỏ cả thời giờ để soi mình trong tấm gương của dòng suối ; và ta đã phải ngạc nhiên khi ngày kia thấy con mình cũng đang làm như nàng thủy tiên ấy. **Trẻ em có một cảm nghiệm sâu sắc về cái tôi và về những gì thuộc về nó**. Nó có

điều mà người ta gọi là **bản năng tư hữu thái quá**. Trẻ sẽ la nếu phải buông rơi đi vật nó cầm, vật thuộc về nó, hoặc vật nó mặc trên người. Một số trẻ không muốn thay quần áo. Nàng thủy tiên này muốn dùng đôi mắt người khác như tấm gương để soi và trẻ bắt đầu làm trò : trẻ làm hề, hát, múa, bày đồ chơi trước mặt khách khứa, bạn bè để **lôi cuốn sự chú ý của mọi người**. Đây cũng là **tuổi duyên dáng và pha trò**. Đừng nên quan trọng hóa những kiểu biểu diễn, những thái độ ấy. Đó cũng là cách để trẻ đo lường cái khả năng của nó. Vì thế, cái nhu cầu cuồng loạn lôi cuốn sự chú ý này có thể được kết thúc bằng một việc tốt hoặc một việc xấu bậy bạ, nhất là khi trẻ có mặc cảm bị bỏ rơi, thiếu tình thương của cha mẹ, hoặc vì ganh tị với trẻ khác (anh chị em) được thương hơn mình.

Giai đoạn tâm lý này sẽ qua mau, nếu chưa có "mặc cảm" nào thành hình nơi trẻ. Nhưng trong giáo dục, cha mẹ và người lớn đừng dửng dưng, đừng khuyến khích, cũng đừng quở phạt những "pha làm trò" này của trẻ (nếu không, trẻ sẽ sinh ra mặc cảm và trở nên chống đối, thù địch). Nên **tham gia "làm trò" với trẻ**, rồi từ từ hướng dẫn trẻ làm một việc gì đó như vẽ, sửa, lau chùi, xây dựng trò chơi, học bài... nghĩa là muốn trẻ làm một việc hoàn chỉnh thành công : **chuyển sự tự kiêu về cái tôi của trẻ sang sự kiêu hãnh về một việc làm hoàn thành tốt.**

3. Trẻ em muốn bằng người lớn.

Lứa tuổi 3 - 6 cũng là tuổi **bắt chước**. Trẻ không muốn vâng lời cũng như nghe theo kẻ khác một cách ngây thơ, nhẹ dạ. **Nó cần xác định cái "tôi" của nó**. Nó nói và lặp lại **"tôi muốn"**. Nhưng ý muốn uy quyền này lại làm cho trẻ thích bằng người lớn : trẻ say mê phần nào cái quyền hành của người lớn : bé gái muốn "làm mẹ", sơn móng tay, đội mũ, đánh phấn. Bé trai muốn hút thuốc như "bố".

Nhưng những việc bắt chước khác có vẻ nguy hiểm hơn vì chúng có nguy cơ trở thành cố định và lâu dài về sau ; trẻ nói với người giúp việc bằng giọng nói của bố mẹ, trẻ lại nói với mẹ bằng giọng nói bắt chước ba, khi nói chuyện với láng giềng trẻ phản ảnh những điều đã nghe thấy ở nhà. Trẻ em bắt chước và học đòi người lớn trong yên lặng, chăm chú và chỉ biểu lộ khi có dịp thuận tiện. Trẻ chăm chú nghe chuyện người lớn, chuyện khách đến nhà... rồi để ý những lời bình phẩm của cha mẹ khi khách ra về.

Do đó, **gương của cha mẹ là nòng cốt và bao gồm mọi việc giáo dục về điểm này**. Tâm tình về công bình bác ái, về thiện ác... được hình thành từ từ nơi trẻ bằng sự bắt chước.

III. ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ LỨA TUỔI 7 - 12.

Các nhà tâm lý học gọi tuổi này là "tuổi tại sao". Trẻ em lứa tuổi này luôn đặt câu hỏi "tại sao" ở mọi dịp : trẻ đã chấm dứt việc tin vào chuyện thần tiên, hoang đường. Trẻ bắt đầu tìm hiểu và thay thế những hình ảnh bằng những ý tưởng, phân biệt điều tưởng tượng với điều thật, phân biệt thật thà và nói dối.

Lúc 4 tuổi, trẻ nhìn bức tranh và nói : "Em thấy một ông, một ghế, một tờ báo". Ở lứa tuổi này, trẻ sẽ thuyết minh : "Em thấy một ông ngồi trên ghế đọc báo sau bữa cơm tối". Do đó, ở lứa tuổi 7 - 12, **óc phê phán của trẻ đã phát** triển cùng với những câu hỏi "tại sao" về phái tính và sự phân biệt điều thiện ác. Đó có thể là những đặc điểm tiêu biểu của tâm lý lứa tuổi 7 - 12.

1. Óc phê phán phát triển.

Trường mẫu giáo và vườn trẻ vẫn còn là một loại gia đình mà ở đó đứa trẻ được chăm sóc về cả vật chất lẫn tinh thần. Nhưng đến tuổi này, trẻ đã bước qua ngưỡng cửa nhà trường thật sự, ở đây các em học đọc, học viết và kề cận các bạn lớn. Ở đấy không còn hơi ấm và sự thân mật của gia đình và nhất là cả giáo viên lẫn bạn bè đều ít quan tâm đặc biệt đến con người nhỏ bé của

nó. Sống lẫn lộn giữa nhiều bạn khác, trẻ phải tuân thủ cùng một kỷ luật như nhau. Trẻ không dám coi mình là trung tâm điểm của vũ trụ. Nơi trẻ **phát sinh tâm lý bình đẳng và liên đới.** Đồng thời, trẻ nghe những phán đoán khác với gia đình, chịu một uy quyền khác hơn là của cha mẹ, làm quen với những ý kiến khác. Tất cả điều này đánh dấu sự phát triển bình thường của óc phê phán. Ở tuổi này, trẻ hay đối chiếu cha mẹ với thầy cô, hoặc cha mẹ với nhau. Vì vậy **không được làm ngơ trước óc phê phán còn mới tinh này.** Cha mẹ và người lớn phải "ngôn hành như nhất" trước ống kính phê phán của trẻ.

2. Những câu hỏi "tại sao" về phái tính.

Nhu cầu hiểu và biết được áp dụng ngay vào mầu nhiệm sinh đẻ. Những kiểu giảng nghĩa "thần tiên" trước đây, nếu có, sẽ trở nên nói láo trầm trọng đối với trẻ, và trẻ sẽ thầm trách nặng những ai phạm lỗi đó.

Những câu hỏi "mẹ sinh ra con từ chỗ nào ? ở đâu ?" được trả lời : "Ở ngón chân cái, ở rún, ở bụi chuối, ở bắp cải, hoa hồng..." đều trở nên phản giáo dục, làm chậm phát triển trí tuệ và gián tiếp làm trẻ tò mò nguy hại hơn mà đối với trẻ lại hấp dẫn thèm thuồng hơn !

Vậy phải trả lời những câu hỏi này và **phải nói cho trẻ sự thật. Nhưng phải là sự thật bằng cách so sánh** với điều mà trẻ có thể biết được về thú vật : sự chửa đẻ, loại đẻ trứng, đẻ con, sự khác nhau về giống... sau đó hướng dẫn trẻ bước sang mầu nhiệm của cuộc đời và của các loài khác. Tâm trí trẻ thích nghi : nó muốn biết, cách thất vọng, người đầu tiên, cây đầu tiên được sinh ra như thế nào và để làm gì ? Trẻ sẽ suy nghĩ mà không bị khủng hoảng nếu cha mẹ thành thật thú nhận là mình không biết rõ hơn. Việc giáo dục phái tính hoàn hảo phải mở rộng các câu hỏi và kết thúc ở các vấn đề thuộc khoa học hiện đại.

3. Phân biệt điều thiện, điều ác.

Trước 6 - 7 tuổi, luân lý của trẻ em rất đơn giản. Điều ác, điều xấu là điều cha mẹ cấm. Điều tốt là điều cha mẹ công nhận và khuyến khích. Nhưng sau 7 tuổi, trẻ đã bắt đầu phán đoán và phê bình. Nó thắc mắc và tìm lý do của những điều mà người khác áp đặt, chỉ dạy...

Điều gì đang xảy ra trong tâm trí trẻ ? Tất cả những ý kiến về thiện ác mà trẻ đã học ở cha mẹ và được coi là tín điều như Lời Chúa, trẻ bắt đầu so sánh, đối chiếu với các ý kiến khác. **Trẻ so sánh lời cha mẹ với lời thầy cô, lời bạn bè, lời cha, dì... và nhất là trẻ so sánh những điều cha mẹ nói với những điều cha mẹ thực hiện thực sự.** Trẻ so sánh mọi điều với thực tế của cuộc đời và xã hội.

Do đó đòi hỏi **cha mẹ và người lớn phải tự giáo dục trước và khôn ngoan khéo léo trong thái độ sống hằng ngày, thành thật.** Lương tâm trẻ rất dễ bị lung lạc và hóa ra mờ ám, mất quân bình về tình cảm, luân lý, đạo đức khi chứng kiến sự xung đột giữa nếp sống gia đình và xã hội : chợ trời, chợ đen, buôn lậu, mua rẻ bán mắc, mánh mung, ly dị...

IV. ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ TUỔI DẬY THÌ.

Từ 7 tuổi đến 12 tuổi, trẻ em phải tích trữ sức lực thể lý, tâm lý và luân lý để có thể đối đầu một cách hữu hiệu với cuộc khủng hoảng của tuổi dậy thì.

Tuổi dậy thì là thời kỳ hấp thụ kiến thức mãnh liệt, thời kỳ chăm sóc sức khoẻ cần thiết và được cho ăn uống nhiều, vì đó là thời gian học hành thái quá và có thể bị suy nhược, nghĩa là một sự mệt mỏi trầm trọng và suy giảm. Trong thời kỳ này, **tánh tình được biểu lộ rõ ràng, trí tuệ phát triển, quyền lợi và sở thích được khẳng định, năng khiếu bộc lộ dần dần,** ảnh hưởng gia đình và xã hội trở thành tập quán suy nghĩ và hành động.

Tuổi dậy thì khơi dậy nơi trẻ những thay đổi tâm lý sâu xa qua hai giai đoạn :

a) Giai đoạn 1: Tiến hóa chậm : Trẻ sống **nội tâm hơn**, **khép kín hơn,** bắt đầu e thẹn về những tình cảm của mình.

b) *Giai đoạn 2*: **Cuộc khủng hoảng bùng nổ về bản ngã**, kéo dài nhiều năm. Cuộc khủng hoảng này kín đáo ít nhiều hoặc dài ngắn ít nhiều tùy từng trẻ và nhất là tùy phản ứng của gia đình. Đây là giai đoạn bắt đầu một thử thách lớn cho cha mẹ. Họ cần phải hiểu biết đặc điểm tâm lý và biện pháp giáo dục hơn bao giờ hết.

GIAI ĐOẠN I : TRẺ HÌNH NHƯ TÁCH RỜI CHA MẸ

Sự tiến hóa về thể lý, được thành hình dần dần, phát sinh những thay đổi phức tạp : nam và nữ cảm thấy khơi dậy những nhu cầu mới, quan tâm đến phái khác với ít nhiều dâm tính.

1. Những mơ mộng và dày vò thầm kín.

Trước những đòi hỏi mới, trẻ có những phản ứng tội lỗi, chúng khép kín hoặc trốn lánh, chúng không cởi mở nữa, không tin cha mẹ và bạn bè nữa, trừ vài bạn thân. Đời sống nội tâm tìm thấy một bộc khởi mới : chúng sẵn sàng **sống biệt lập**, viết nhật ký, làm thơ, trở thành mơ mộng. Chúng chỉ làm thỏa mãn những ước mơ, những hy vọng... trong một **thế giới tưởng tượng** trước đã, chúng có mặc cảm bị bỏ rơi và cô độc. **Chúng nghe theo tiếng nói nội tâm và tự cắt đứt liên hệ thân mật với gia đình**. Còn gia đình thì lại tố giác là chúng vô ơn...

Tình cảm của trẻ dậy thì bước sang giai đoạn thật gay gắt : **dễ chảy nước mắt, dễ dỗi hờn, dễ buồn chán thái quá.**

Trẻ lại âu lo về những khuyết tật thể lý của mình, đến nỗi có thể trở thành thảm kịch : tóc cắt hư, màu da đen... dáng cao, dáng thấp lùn, mập ốm, hàm răng khỉnh, so le, quần áo...

Trẻ dậy thì ít quan tâm đến trò chơi trẻ con và việc học ở trường. Các em lớp 9 (nam) và lớp 8 (nữ) học hành giảm sút trầm trọng và đột ngột. Những lớp học này là gánh nặng của giáo viên.

Về giới tính, tuổi dậy thì là thời gian dành cho cha mẹ và các nhà giáo dục củng cố việc giáo dục giới tính cho trẻ ở giai đoạn 2 (giai đoạn 1 ở tuổi "tại sao"). Trẻ dậy thì cần được hiểu biết và hiểu biết thật rõ các vấn đề liên quan đến những thắc mắc về sinh lý của chúng. Sự yên tâm về tình cảm và cuộc sống của trẻ tùy thuộc vào việc giáo dục này, nên sự im lặng về việc giáo dục sinh lý thường sẽ là một sai lầm trầm trọng. Nhưng phải hướng dẫn như một nhà giáo dục chứ không như một nhà sinh vật hoặc một nhà y khoa quá vô tư và khách quan, nghĩa là **phải có những bước chuẩn bị tâm lý trước và sau khi trình bày** hướng dẫn vấn đề theo từng phái và từng nhóm nhỏ. Biện pháp này mang tính giáo dục đúng đắn nhằm giúp trẻ dậy thì trưởng thành trong vấn đề sinh lý và tránh được những tác hại về luân lý đạo đức do tò mò hoặc kích động ngang trái gây nên.

Lứa tuổi này sẽ đặt hàng chục câu hỏi về giới tính, và phải được trả lời, hướng dẫn như trình bày trên. Những câu hỏi có thể là:

- Sự chửa đẻ, kinh nguyệt, tinh trùng là như thế nào ?
- Giao hợp là gì ?
- Nạn mãi dâm là gì ? Tại sao có và tại sao tồn tại ?
- Tật thủ dâm có phải là tội ghê gớm ?
- Có thể có con mà không cần cưới hỏi ?

Người cha, người mẹ coi như thật may mắn nếu con mình gần gũi và đặt những câu hỏi đại loại như trên với mình một cách thành thật, thẳng thắn. Ngăn ngừa con cái là bổn phận của cha mẹ và các nhà giáo dục, kể cả việc ngăn ngừa chúng khỏi những bệnh tình dục và những hư hỏng về phái tính.

2. Bạn bè thay thế cha mẹ.

Có hai thái độ phải được tránh đối với trẻ dậy thì : **châm biếm và gắt gỏng**. Bị ám ảnh bởi những cảm giác về những khác thường và khó hiểu nơi bản thân, trẻ đã gặp những thù nghịch hoặc chế nhạo của gia đình, lại càng tích lũy người tình cảm hướng nội thêm trong lúc này. Những tình cảm khó chịu này sẽ có dịp bùng nổ dữ dội trong suốt giai đoạn kế tiếp. Đó sẽ là cuộc **"khủng hoảng bùng nổ của bản ngã"**. Cha mẹ hoặc các nhà giáo dục khôn ngoan nhất sẽ là những ai biết thích nghi : uy quyền của người cha phải mềm dẻo hơn, ít nghiêm khắc hơn ; tình cảm người mẹ phải kín đáo hơn và ít tỉ mỉ hơn.

Có nhiều cha mẹ chịu đựng cuộc khủng hoảng dậy thì của con mình một cách rất tồi tệ : Họ đã quên chính cuộc khủng hoảng dậy thì của họ ngày xưa và họ tưởng con cái họ đã tách rời họ, khi vừa nhận thấy những dấu hiệu đầu tiên của việc khép kín, ít cởi mở của con cái. Họ liền phản ứng bằng những thái độ cứng rắn, hoặc bằng những lời chửi mắng la rầy, hoặc một uy quyền bổ sung nào đó. Họ tự cảm thấy bất hạnh vì nghĩ là không được con cái yêu kính nữa "sau khi đã làm hết cách", và họ liền phủ đầu con cái bằng những lời trách móc đay nghiến. Kết quả là sự xa cách và hiểu lầm giữa cha mẹ và con cái được nhân đôi ; tâm trạng cô đơn càng tăng thêm. Người mẹ thì nói "nó không yêu thương tôi nữa" ; con cái thì nói "ai cũng chống tôi, không ai thương tôi nữa !". Do đó, cha mẹ phải biết giữ tình thương và sự âu yếm của mình nguyên vẹn mà không đòi đáp lại, không gắt gỏng triền miên. Phải thay thế những lời nói vô ích, tai hại bằng những sự ân cần kín đáo.

Trẻ dậy thì cũng giống như con bướm vừa ra khỏi kén. Đừng làm rắc rối thêm cuộc đời nó vào lúc này. Phương pháp hữu hiệu mà cha mẹ nên áp dụng là tạo cho con mình một tình bạn mới với một người khác trong dòng họ (vú, bố, cô, cậu, dì... hoặc bạn

thân), có độ tuổi trung gian giữa tuổi của cha mẹ và tuổi con cái, để họ trở thành "quân sư" tín nhiệm và thân thiết của con cái, thay cho cha mẹ. Cha mẹ nên trao uy quyền của mình chia sẻ cho họ, thay vì luôn bao trùm uy quyền ngột ngạt ấy lên đầu con cái, để họ tiếp tay can thiệp trong việc giáo dục con cái mình ở lứa tuổi dậy thì phức tạp này.

GIAI ĐOẠN II : TUỔI CÔNG KHAI CHỐNG ĐỐI

Những lo lắng của cha mẹ chưa kết thúc... Tiếp theo giai đoạn 1 của tuổi dậy thì là giai đoạn chống đối của tuổi "hậu dậy thì", dưới những hình thức ít nhiều **cay đắng và đau đớn**. Đây là lúc mà các biện pháp giáo dục áp dụng suốt các giai đoạn trước phải được thể hiện mọi hậu quả hiệu nghiệm nhất. "Cuộc khủng hoảng tuổi-trẻ-độc-đáo", như người ta thường gọi, chỉ là một nỗ lực mãnh liệt như cố muốn vượt khỏi sự bảo trợ của gia đình. Cao điểm của cuộc khủng hoảng này là ở 15 - 16 tuổi (nữ) và 17 - 18 tuổi (nam). Hết mơ mộng, trẻ hậu dậy thì bây giờ có một sinh hoạt rất năng động, một sự kích động phi thường. Trẻ khước từ uy quyền cha mẹ : nó tuyệt đối không chấp nhận người ta hạn chế tự do và kiểm tra hành vi của nó ; nó không muốn ai hỏi nó đi đâu, bao giờ về ; nó cất kỹ đồ đạc riêng và ghê tởm những ai lục lọi bàn tủ... của nó. Nó rất gắt gỏng và "xấu bụng". Cha mẹ bảo nó hung dữ và đầy ý xấu.

Trẻ hậu dậy thì đặt lại vấn đề về các quy ước xã hội hoặc những niềm tin địa phương : trẻ hậu dậy thì **vô thần, cực đoan, vô chủ** và **phủ nhận**. Hình như nó thích "tai tiếng". Nó ghét những "kẻ trưởng giả"...

Những dự định và sinh hoạt của trẻ hậu dậy thì lại trái với những giá trị thần thánh. Những cuộc giao du của nó cũng đáng lo ngại. Nó xấc láo với những đại diện chính quyền, bất công với mọi người, nói láo và thâm hiểm. Thật sự nó cũng nổi tiếng, cũng độc đáo, nhưng thường theo cách thức không phù hợp với ước muốn

của cha mẹ và các nhà giáo dục. Tự do chính là giá trị cao cả của nó. Nó không chấp nhận, công khai hoặc âm thầm, bất cứ hạn chế nào về quyền lợi của nó.

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC :

Cha mẹ phản ứng ra sao ? Họ thường chọn một trong hai thái độ cực đoan sau : hoặc **cứng rắn** hơn trong uy quyền (họ "vặn ốc" cái đầu kỳ cục này, hoặc họ "chiếu tướng" cái ông bà tướng nhỏ này), và sự căng thẳng của gia đình ngày càng tăng cao ; có những bữa ăn toàn nước mắt, gây khốn khổ cho mọi người ; hoặc họ nhượng bộ trong than thở : người mẹ tưởng làm như thế là giữ được tình yêu mãi nơi con cái ; người cha lại thề là sẽ không lo gì cho nó nữa, bỏ mặc nó muốn làm gì thì làm. Chính hai thái độ này đã làm nên những thái độ "cổ điển" và "bi thảm" : người mẹ thì bao che, cung phụng (nhất là tiền bạc), người cha thì bỏ mặc hoặc nổi giận đùng đùng làm sinh nhiều tai hại cho tương lai của trẻ.

Giải pháp hữu hiệu nhất là **cha mẹ phải biết tách rời con cái vào cao điểm của cuộc khủng hoảng này**. Ý tưởng "tách rời con cái" trên đã làm điên đầu một số cha mẹ, nhất là các bà-mẹ-gà-mái là những người luôn ấp ủ con cái mà khó nhận ra con trai mình đã là "đàn ông" và con gái mình đã là "đàn bà", chứ không còn là con mình nữa (con nít của mình !). Cả cha lẫn mẹ đều không ưa từ "đàn ông" hay "đàn bà" đặt vào con cái họ.

Tuy nhiên, nguyên tắc tối ưu về giáo dục ở giai đoạn dữ dội của cuộc khủng hoảng này là **"cha mẹ phải biết xa rời con mình để gặp lại nó sau này'**. Còn nếu không muốn xa rời nó ở thời điểm này, chính là có cơ mất nó vĩnh viễn !

Áp dụng nguyên tắc giáo dục trên, biện pháp lý tưởng là để **cho con đi xa**, đi xứ khác, nước khác. Vấn đề giai cấp xã hội không đóng vai trò quan trọng mấy... Có thể gởi con mình đi xứ khác làm ăn bằng chính đôi tay chúng, hoặc gởi vào đại học, nhà

nội trú. Như thế là thực hiện sự cắt đứt, xa rời, có hướng dẫn, để tránh một sự cắt đứt vĩnh viễn làm đau lòng mọi người.

Ngày xưa, có một truyền thống rất tốt ở Pháp là bắt các thợ tập sự của các gia đình thủ công nghiệp, năm lên 18 tuổi, phải ra đi, "đi vòng quanh nước Pháp", để làm việc từ thành này qua thành khác, ý thức về trách nhiệm của mình, trước khi trở về nhà. Nếu truyền thống trên có tốt đẹp và hiệu nghiệm để huấn lệnh con người, đó chính là nguyên tắc giáo dục nhằm tạo cho con người, cùng một lúc, cả sự tự do lẫn trách nhiệm. Đó là quyền được bay bằng chính đôi cánh của mình, và trách nhiệm làm nên cuộc đời mình.

Trong cuộc khủng hoảng thoát ly này, các bài giảng thuyết, giải thích, lý luận đối với trẻ hậu dậy thì chỉ là vô ích, khó hiểu... **Phải đặt trẻ trong một trách nhiệm độc lập với cha mẹ**.

Bản ngã của trẻ phải được thoát khỏi cơn thử thách cuối cùng, cởi mở, lành mạnh và vững vàng hơn.

Trẻ nam và nữ ở lứa tuổi này thường **tự khám phá ra chính con đường chúng phải đi tới**. Chúng chỉ còn phải xây nền móng (trong những năm kế tiếp) của cả cuộc đời chúng trong tương lai.

V. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu về tâm lý trẻ em với mục đích giáo dục đức tin và nhân bản của trẻ một cách hiệu nghiệm nhất, tìm được một sư phạm giáo lý thích hợp nhất, củng cố tác phong chững chạc đúng đắn nhất của cha mẹ và các giáo lý viên. Đó chính là cập nhật hóa chương trình giảng dạy giáo lý theo tinh thần Tông huấn của Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II : "Dạy giáo lý trong thời đại chúng ta".